



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục**

**GIÁO VIÊN HỖ TRỢ TRẺ  
TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP  
TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC**



**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

**Biên soạn:**

PGS. TS Nguyễn Thúy Hồng

TS. Trương Thị Kim Oanh

ThS. Tôn Thị Tâm

ThS. Nguyễn Thị Lan Hương

ThS. Đặng Tuyết Anh

**Biên tập:**

ThS. Đặng Tuyết Anh

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về: [cucng@moet.gov.vn](mailto:cucng@moet.gov.vn)

**GIÁO VIÊN HỖ TRỢ TRẺ  
TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP  
TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC**

(Tài liệu tham khảo)

# MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	6
<b>PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC</b>	10
Giới thiệu và mục tiêu của Phần 1	11
<b>1. Giới thiệu về giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học</b>	13
1.1. Tầm quan trọng của giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học	13
1.2. Thực trạng việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1 hiện nay	14
<b>2. Những thay đổi trong giai đoạn chuyển tiếp</b>	17
2.1. Những thay đổi trẻ phải đối mặt	17
2.2. Những thay đổi của bản thân trẻ	20
<b>3. Giai đoạn chuyển tiếp là một quá trình</b>	22
<b>4. Hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp hiệu quả</b>	24
4.1. Trẻ em sẵn sàng	24
4.2. Nhà trường sẵn sàng	27
4.3. Gia đình sẵn sàng	29
<b>PHẦN 2: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC</b>	33
Giới thiệu và mục tiêu của Phần 2	35
<b>1. Môi trường học tập hiệu quả</b>	37
1.1. Cách hiểu về môi trường học tập hiệu quả	37
1.2. Các thành tố cấu tạo nên môi trường học tập hiệu quả	38
<b>2. Một số biện pháp thúc đẩy môi trường học tập hiệu quả trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học</b>	46
2.1. Tạo môi trường học tập phong phú, đa dạng, an toàn và tin cậy	46
2.2. Thiết kế nhiệm vụ học tập thực tế và có ý nghĩa đối với trẻ	50
2.3. Hỗ trợ trẻ thông qua tương tác	54

2.4. Một số gợi ý về hoạt động cần thực hiện để hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp	61
<b>PHẦN 3: PHỤ LỤC</b>	63
<b>Phụ lục 1: Bảng kiểm môi trường học tập hiệu quả ở mầm non và tiểu học</b>	65
<b>Phụ lục 2: Đánh giá trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học</b>	71

# LỜI GIỚI THIỆU

Giai đoạn chuyển tiếp được hiểu là giai đoạn bắt đầu trước khi trẻ lên lớp 1, thời điểm bắt đầu bước vào lớp 1 và kết thúc khi đứa trẻ đã thích nghi hoàn toàn với môi trường học tập mới. Trong giai đoạn này, trẻ em phải đối mặt với rất nhiều thay đổi, đó là những thay đổi về tâm-sinh lý của chính đứa trẻ, những thay đổi về môi trường và phương pháp dạy và học, vai trò của trẻ và sự mong đợi từ phía gia đình và nhà trường. Những sự thay đổi này có thể khiến trẻ gặp khó khăn trong quá trình chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học.

Vấn đề chuyển tiếp của trẻ từ mầm non lên tiểu học không phải là vấn đề mới ở Việt Nam mà đã được đề cập đến từ những năm 1980. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, việc hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp chưa được quan tâm một cách đầy đủ. Mức độ quan tâm cũng khác nhau đối với mỗi nhóm đối tượng riêng biệt - trẻ em ở thành phố và nông thôn, miền núi và vùng khó khăn.

Để hỗ trợ trẻ thích ứng với những thay đổi và chuẩn bị tâm thế sẵn sàng trong môi trường học tập mới ở trường tiểu học, Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cùng tổ chức VVOB Việt Nam và các chuyên gia từ Văn phòng Tư vấn Sư phạm của Tổ chức Quản lý Giáo dục Bỉ (KOV) giới thiệu hướng tiếp cận mới, thông qua việc tạo ra một môi trường học tập hiệu quả liên thông từ mầm non lên tiểu học. Môi trường học tập hiệu quả bao gồm môi trường học tập phong phú, đa dạng, an toàn và tin cậy, được bắt đầu từ việc xây dựng một môi trường học tập phong phú từ đồ dùng đến cách trang trí và tổ chức hoạt động, tôn trọng sự đa dạng trong phong cách học và cá tính của từng trẻ, tạo cho trẻ cảm giác thoải mái, an toàn và giúp trẻ tin vào khả năng của mình. Trên nền tảng đó, việc giáo viên thiết kế các nhiệm vụ học tập thực tế và có ý nghĩa nhằm thúc đẩy sự phát triển và tham gia của trẻ trong quá trình học đóng vai trò then chốt để tạo ra môi trường học tập hiệu quả tại trường mầm non cũng như trường tiểu học. Giữa 2 bậc học có sự khác biệt về mức độ thách thức của nhiệm vụ học tập nhưng mang tính kế thừa và phát huy theo từng cấp độ ở cấp học cao hơn. Trong quá trình xây dựng môi trường học tập hiệu quả này cần hướng tới sự liên thông giữa 2 bậc học thông qua việc đưa các yếu tố phù hợp từ mầm non lên tiểu học và ngược lại. Và sự hỗ trợ thông qua tương tác của giáo viên dành cho trẻ trong quá trình học là yếu tố tiên quyết để giúp trẻ thực hiện các nhiệm vụ có tính thách thức với khả năng của trẻ, từ đó giúp trẻ phát triển mọi tiềm năng của mình. Để thực hiện được điều này, không chỉ giáo viên mà cán bộ quản lý nhà trường và cha mẹ cũng đóng vai trò không thể thiếu để hỗ trợ trẻ chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học một cách tốt nhất.

Trong năm 2014-2015, VVOB đã phát triển cuốn tài liệu **Nâng cao năng lực quản lý sự thay đổi của Hiệu trưởng để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học** dành cho cán bộ quản lý trường mầm non và tiểu học. Nối tiếp chủ đề hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp, trong các năm 2015-2016, VVOB tiếp tục phát triển cuốn tài liệu **Giáo viên hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học**, chú trọng vào những công việc giáo viên mầm non và tiểu học có thể làm để giúp trẻ vượt qua giai đoạn chuyển tiếp một cách nhẹ nhàng nhất. Cả hai cuốn tài liệu đều đã được Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thẩm định,

lần lượt theo các Quyết định số 496/QĐ-NGCBQLCSGD ngày 15 tháng 6 năm 2015 và 562/QĐ-NGCBQLCSGD ngày 31 tháng 5 năm 2016.

Tài liệu Giáo viên hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo, tự học cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non và tiểu học. Ngoài ra, cuốn tài liệu còn có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo cho giảng viên trường Sư phạm để lựa chọn nội dung phù hợp, lồng ghép vào chương trình giảng dạy cho sinh viên sư phạm mầm non và tiểu học như một chuyên đề.

Cuốn tài liệu gồm 2 phần và Phụ lục dành cho giáo viên mầm non và tiểu học:

**PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC**

**PHẦN 2: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP**

Cấu trúc tóm tắt của mỗi phần như sau:

- **Giới thiệu chung**
- **Mục tiêu**
- **Nội dung chính**

Ngoài ra, tài liệu còn có 2 Phụ lục:

**Phụ lục 1:** Bảng kiểm môi trường học tập hiệu quả ở trường mầm non và tiểu học

**Phụ lục 2:** Đánh giá trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn tài liệu Giáo viên hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học sẽ là một tài liệu bổ ích cho lãnh đạo và giáo viên các trường mầm non và tiểu học, góp phần nâng cao những kiến thức và kỹ năng về hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học một cách hiệu quả nhất.

**CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ  
CƠ SỞ GIÁO DỤC**



**PGS. TS Nguyễn Thúy Hồng  
Phó Cục trưởng**







**GIỚI THIỆU CHUNG VỀ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP  
TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC**





---

*Giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học là giai đoạn rất quan trọng trong cuộc đời mỗi đứa trẻ. Việc hiểu cặn kẽ về giai đoạn chuyển tiếp giúp nhà trường và gia đình có thể hỗ trợ trẻ vượt qua giai đoạn này một cách nhẹ nhàng và hiệu quả.*

*Phần 1 đưa ra cái nhìn tổng quan và cách hiểu chung về giai đoạn chuyển tiếp, tầm quan trọng của giai đoạn này đối với sự phát triển của trẻ, những khó khăn mà trẻ phải đối mặt và vai trò của các bên liên quan trong việc hỗ trợ trẻ vượt qua giai đoạn này.*

*Sau khi học Phần 1, học viên có thể:*

- Nêu được tầm quan trọng của giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học đối với trẻ;*
- Xác định được các yếu tố có thể ảnh hưởng đến trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp;*
- Xác định được vai trò của các bên liên quan để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp hiệu quả.*



## 1. GIỚI THIỆU VỀ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC

- Giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học là quá trình chuyển từ mầm non lên những năm đầu ở tiểu học, trong đó trẻ gặp nhiều thay đổi và phải đối mặt với nỗi lo lắng rời xa môi trường quen thuộc đến một môi trường mới.
- Để hỗ trợ trẻ tốt nhất trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học cần có các biện pháp và hoạt động cần thiết nhằm:
  - + Chuẩn bị và giúp trẻ thích nghi với môi trường học tập mới ở tiểu học;
  - + Chuẩn bị và giúp trẻ tiếp tục duy trì việc học tập ở tiểu học;
  - + Trẻ nhận được sự quan tâm đầy đủ đến việc học tập, chăm sóc sức khỏe và bảo vệ từ phía gia đình, nhà trường và các dịch vụ chăm sóc và giáo dục trẻ.

### 1.1. Tầm quan trọng của giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học

Giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc đời đứa trẻ. Đây là khoảng thời gian trẻ phải đối mặt với nhiều thay đổi và thách thức, đặc biệt những trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học được cho là điểm khởi đầu cho việc học tập có chủ đích. Sự khởi đầu thành công ở trường học có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả học tập và nhận thức xã hội trong tương lai của trẻ. Những trải nghiệm của trẻ trong giai đoạn này sẽ có tác động lâu dài đến khả năng thích nghi đối với sự thay đổi của trẻ.

Khoa học giáo dục mầm non đã khẳng định để giúp trẻ mẫu giáo 5 tuổi học tập một cách có hiệu quả khi bước vào lớp 1 ở trường tiểu học, trẻ cần phải được chuẩn bị một cách toàn diện về thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ và giao tiếp - xã hội. Trong đó, việc chuẩn bị cho trẻ kỹ năng giao tiếp - xã hội đóng vai trò hết sức quan trọng. Nếu trẻ được chuẩn bị tốt về các kỹ năng giao tiếp, các em sẽ dễ dàng hòa nhập với môi trường mới, có khả năng kết bạn tốt. Và một khi trẻ đã sẵn sàng để bắt đầu cuộc sống mới ở trường học một cách vui vẻ, cảm thấy tự tin và có tinh thần trách nhiệm thì việc học tập không còn là vấn đề lớn nữa. Để làm được điều này cần có sự thống nhất giữa hai bậc học và sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình.

Tuy nhiên, yếu tố quan trọng tác động đến sự thành công của trẻ trong học tập không chỉ nằm ở bản thân trẻ mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác trong giai đoạn chuyển tiếp như nhà trường, giáo viên, những người thân trong gia đình và cộng đồng nơi trẻ sinh sống. Hay nói cách khác *“sự thành công của quá trình chuyển tiếp cho trẻ từ mầm non lên tiểu học là trách nhiệm của toàn xã hội. Khi cộng đồng chung tay vì trẻ em, thì việc đến trường của trẻ sẽ là một trải nghiệm tích cực và thú vị”* (Dockett và Perry, 2001)<sup>1</sup>.

Thách thức của giai đoạn chuyển tiếp không đơn giản là trẻ được vào học ở trường mầm non và vào học lớp 1 ở trường tiểu học, mà quan trọng hơn là phải đảm bảo được những mục tiêu sau:

- Giúp trẻ không bị hụt hẫng, bỡ ngỡ với sự thay đổi môi trường học tập mới (tâm thế sẵn sàng đi học);
- Giúp giáo viên mầm non và tiểu học hiểu rõ được sự giống nhau và khác nhau giữa 2 cấp học để tiếp tục duy trì, kế thừa hoặc điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học cho phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí của trẻ lớp 1;
- Giúp gia đình/cộng đồng xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp và hình thành cho cha mẹ kĩ năng tìm kiếm thông tin, kiến thức để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp;
- Tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên và gia đình/cộng đồng để mối quan hệ trở nên gắn kết và hai phía cùng có trách nhiệm hơn với trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp.

## **1.2. Thực trạng việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1 hiện nay**

Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015 và Quyết định số 60/2011/QĐ - TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015 nhằm tăng tỉ lệ trẻ em đi học, thực hiện chăm sóc và giáo dục bán trú có chất lượng, đảm bảo hầu hết trẻ em ở mọi vùng miền được chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, và Tiếng Việt, giúp trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1.

Tuy nhiên, hiện nay ở mỗi địa phương, vùng miền lại có những quan niệm khác nhau về giai đoạn chuyển tiếp hay nói cách khác là việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

---

1. Starting school: effective transitions [*Bắt đầu đi học: Giai đoạn chuyển tiếp hiệu quả*]. Early Childhood Research & Practice [*Tạp chí Nghiên cứu và thực hành giáo dục trẻ thơ*], cuốn 3, số 2, 2001.

Ở các thành phố, thị xã, là nơi kinh tế phát triển, khá nhiều cha mẹ cho rằng chuẩn bị cho trẻ từ mẫu giáo vào lớp 1 là cho trẻ học trước chương trình lớp 1 như học đọc, học viết và làm toán. Vì vậy, nhiều gia đình nôn nóng cho con nghỉ học ở lớp mẫu giáo 5 tuổi để đi học chữ, học tính hoặc mời giáo viên lớp 1 kèm cặp con học chữ tại nhà. Áp lực từ phía cha mẹ đã khiến một số cơ sở giáo dục mầm non chấp nhận để giáo viên mầm non làm thay công việc của giáo viên tiểu học mặc dù họ không được đào tạo về phương pháp giáo dục tiểu học. Bài báo sau đây, ghi lại ý kiến của nhà giáo N. T. M. N, nguyên Phó Phòng Giáo dục & Đào tạo Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, đã phần nào phản ánh thực trạng đó.<sup>2</sup>

*Chương trình lớp lá (mẫu giáo lớn) hiện nay chỉ cho trẻ làm quen chữ cái, không cho học đố chữ như trước. Nhưng tâm lý chung của phụ huynh muốn con biết đọc, biết viết trước khi vào lớp 1 nên họ thường cho trẻ đi học thêm trong năm học lớp lá. Nửa cuối năm lớp lá, trong các trường mầm non công lập thường “roi rụng” học sinh vì phụ huynh cho con nghỉ học để đi học chữ. Dịp hè, phụ huynh càng thúc trẻ lớp lá học thêm. Cũng vì thế, một số trường tư thục xé rào, lên dạy chữ cho trẻ lớp lá để cạnh tranh với các trường mầm non công lập vốn thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ GD-ĐT.*

Hay ở vùng nông thôn và miền núi, phần lớn phụ huynh ở những gia đình có hoàn cảnh khó khăn chưa hiểu được tầm quan trọng của giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. Họ nghĩ rằng tất cả trẻ đến 6 tuổi đương nhiên đều được vào học lớp 1, nên không ít cha mẹ phó mặc con em họ cho trường mầm non và tiểu học. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, đánh giá về mức độ sẵn sàng đi học cho trẻ năm tuổi, sử dụng Bộ công cụ đánh giá phát triển trẻ thơ (EDI). EDI đánh giá sự thiếu hụt của trẻ trên năm lĩnh vực phát triển: sức khỏe thể chất, năng lực xã hội, sự trưởng thành tình cảm, kỹ năng ngôn ngữ và nhận thức, kỹ năng giao tiếp và hiểu biết chung. Kết quả đánh giá phát triển trẻ thơ năm 2014 cho thấy hơn 1/3 (36.8%) trẻ 5 tuổi khảo sát bị thiếu hụt hoặc có nguy cơ thiếu hụt ở ít nhất một lĩnh vực phát triển (so với tỷ lệ này vào năm 2012 là 50.68%) và 12.3% trẻ 5 tuổi bị thiếu hụt ít nhất một lĩnh vực phát triển (so với năm 2012 là 24.19%). Kết quả khảo sát cũng cho thấy, nhóm trẻ em có tỷ lệ thiếu hụt hoặc có nguy cơ thiếu hụt trong ít nhất một lĩnh vực phát triển thường thuộc về trẻ ở các hộ gia đình nghèo, trẻ có mẹ trình độ học vấn thấp, gia đình đông con, trẻ dân tộc thiểu số và trẻ sống trong các vùng kinh tế - xã hội khó khăn<sup>3</sup>.

2. Tuổi trẻ online. 9/7/2015. “Học thêm từ 4... tuổi”.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Đánh giá Phát triển trẻ thơ tại Việt Nam (EDI) – Dự án “Tăng cường sự sẵn sàng đi học cho trẻ 5 tuổi”.



*Học sinh lớp 1, trường Tiểu học Trà Thủy, huyện Trà Bông, Quảng Ngãi  
(Ảnh: VVOB Việt Nam)*

Một trong những nguyên nhân khiến nhóm trẻ em dân tộc thiểu số, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn gặp khó khăn hơn trong giai đoạn chuyển tiếp đó là trước khi đi học trẻ dân tộc biết nói rất ít tiếng Việt, chủ yếu chỉ biết những từ giao tiếp thông thường. Nhưng ngay khi bắt đầu vào trường mẫu giáo, tất cả các em đều phải tiếp thu kiến thức khoa học mới bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Sự thiếu hụt về ngôn ngữ này là rào cản lớn nhất đối với trẻ em dân tộc thiểu số trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. Vì vốn tiếng Việt hạn chế, nhiều trẻ dân tộc thiểu số không theo kịp chương trình, kết quả kém dẫn đến lưu ban, trẻ em chán nản và bỏ học giữa chừng.<sup>4</sup>

---

4. Bảo đảm sự chuyển tiếp khoa học giữa giữa giáo dục mầm non với chương trình lớp 1 – Vụ GDMN.



## 2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP

### 2.1. Những thay đổi trẻ phải đối mặt

#### 2.1.1. Về môi trường vật chất trong trường học

- Ở trường mầm non, việc bố trí không gian lớp học được thực hiện theo chủ đề của từng tháng với các nội dung tích hợp nhằm phát triển 5 lĩnh vực. Cách trang trí phong phú, đa dạng, nhiều màu sắc. Trong khi đó, đa số các lớp ở trường tiểu học được trang trí khá đơn điệu bằng một số khẩu hiệu, hình ảnh về kết quả học tập của học sinh, bảng chữ cái, công thức toán học...
- Ở trường mầm non, vị trí ngồi của trẻ luôn thay đổi. Trẻ có thể ngồi bàn học, cũng có thể ngồi trên nền nhà hoặc học ngoài trời sao cho phù hợp với nội dung bài học và các hình thức hoạt động của trẻ. Ở trường tiểu học, học sinh phải ngồi cố định theo hàng hoặc theo nhóm, không được tùy ý thay đổi vị trí ngồi khi chưa có sự cho phép của giáo viên.
- Đồ dùng đồ chơi tại trường mầm non phong phú, đa dạng (cả trong lớp và ngoài trời) và được sử dụng như những giáo cụ trực quan trong quá trình dạy và học, nhưng khi vào trường tiểu học trẻ hầu như không nhìn thấy những đồ chơi quen thuộc đó.



*Bố trí không gian lớp học ở trường mầm non*



*Bố trí không gian lớp học ở trường tiểu học*



Môi trường ngoài sân ở trường mầm non



Môi trường ngoài sân ở trường tiểu học

(Ảnh: VVOB Việt Nam)

### 2.1.2. Về cách dạy của giáo viên và cách học của trẻ

Sự khác nhau trong phương pháp và hình thức dạy học từ gia đình và ngay ở bậc học mầm non và tiểu học cũng có nhiều điểm khác biệt, dẫn đến cách học và tiếp thu kiến thức của trẻ cũng phải khác, khiến trẻ gặp nhiều khó khăn. Khi nắm rõ sự khác nhau đó, giáo viên sẽ tìm được cách thức phù hợp giúp trẻ thích nghi dần với môi trường học tập mới. Dưới đây là bảng tóm tắt cách học của trẻ ở các môi trường khác nhau:

**Bảng 1: Tóm tắt cách học của trẻ trong những môi trường khác nhau<sup>5</sup>**

Gia đình	Trường mầm non	Trường tiểu học
Học thông qua bắt chước, trải nghiệm, theo cách thử - sai và làm lại	Hoạt động chơi là chủ đạo. Học thông qua chơi, trẻ luôn được di chuyển trong quá trình hoạt động. Sử dụng nhiều phương pháp/hình thức trong quá trình dạy học, đặc biệt chú ý đến phương pháp trò chơi và trải nghiệm	Hoạt động học là chủ đạo. Học có chủ đích. Trẻ ngồi nghiêm túc trong suốt giờ học.  Quá trình dạy học tập trung vào vào phương pháp của từng bộ môn

5.Tham khảo bảng tóm tắt cách học của trẻ trong những môi trường học tập khác nhau (Myers, 1997).

Gia đình	Trường mầm non	Trường tiểu học
Tiếp thu kiến thức một cách linh hoạt, học mọi lúc mọi nơi	Tiếp thu kiến thức có hệ thống nhưng có sự linh hoạt (học từ dễ đến khó).	Tiếp thu kiến thức theo cấu trúc chặt chẽ
Học thông qua tình huống và bối cảnh thực tế gần gũi với cuộc sống hàng ngày của trẻ	Học qua các tình huống và bối cảnh thực tế và theo chương trình.	Nhìn chung, sách giáo khoa và chương trình được thống nhất trên toàn quốc
Thời gian học linh hoạt theo sự hứng thú của trẻ	Thời gian học - chơi xen kẽ theo chế độ sinh hoạt của từng độ tuổi	Thời gian ở trường chủ yếu là học và tiết học dài hơn ở mầm non
Điều chỉnh phù hợp với mối quan tâm và nhu cầu của trẻ	Điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của trẻ trong bối cảnh cụ thể	Học sinh phải tự điều chỉnh để thích nghi và phù hợp với yêu cầu của giáo viên và nội dung bài học.
Trẻ đặt câu hỏi khi thấy đồ vật, sự vật/ hiện tượng cụ thể và tự tìm hiểu.	Sử dụng đồ vật/sự vật, hiện tượng cụ thể để dạy trẻ về các khái niệm.	Chuyển dần từ sử dụng đồ vật/sự vật, hiện tượng sang sử dụng biểu tượng, sơ đồ (chuyển dần từ tư duy trực quan sang tư duy trừu tượng)
Học thông qua các công việc hàng ngày	Học dựa trên hoạt động. Trẻ có thể lựa chọn cách giải quyết của mình.	Trẻ phải tập trung vào nhiệm vụ được giao, kết quả là quan trọng
Học bằng tiếng mẹ đẻ	Học bằng ngôn ngữ tiếng Việt nhưng vẫn có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ	Học bằng ngôn ngữ tiếng Việt (ngoại trừ một số địa bàn dự án có sử dụng song ngữ)
Ngôn ngữ được phát triển một cách tự nhiên thông qua giao tiếp hàng ngày	Chú trọng vào việc hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh	Chú trọng việc tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác
Chú trọng vào quá trình	Chú trọng vào quá trình	Chú trọng vào cả kết quả và quá trình

### 2.1.3. Sự thay đổi về mặt xã hội

*Sự thay đổi các thói quen sinh hoạt của trẻ:* Những quy định trong thói quen sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non là những ước định mang tính cá thể. Trẻ thường được thỏa mãn các nhu cầu về vui chơi, học tập, nghỉ ngơi, ăn uống... việc tham gia vào các hoạt động chung cũng xuất phát phần lớn từ nhu cầu cá nhân của trẻ. Trong khi ở trường tiểu học các quy định trong chế độ sinh hoạt mang tính nguyên tắc, quy định đối với giờ học, giờ chơi, quy định các yêu cầu về kiến thức kỹ năng trong mỗi tiết học, bài học được định lượng trở thành yêu cầu bắt buộc phải thực hiện đối với học sinh.

*Sự thay đổi vị thế:* Trẻ 5 tuổi ở trường mầm non là anh chị lớn nhất và hiểu biết nhất nhưng khi vào tiểu học lại trở thành học sinh nhỏ nhất và ít kinh nghiệm nhất.

*Sự thay đổi về mối quan hệ của trẻ trong xã hội:*

- + Mối quan hệ giữa cô và trẻ: Ở trường mầm non, trẻ được cô quan tâm chăm sóc chu đáo, hướng dẫn tỉ mỉ, cách xưng hô “cô” và “con” gần gũi với mối quan hệ giữa người lớn với trẻ em trong gia đình. Ở trường tiểu học, mối quan hệ giữa người lớn - trẻ em có khoảng cách mang tính thầy - trò; trẻ phải tự lập hơn trong tất cả các hoạt động ở trường học, không riêng tư như ở gia đình;
- + Mối quan hệ giữa các bạn trong lớp: Hầu hết trẻ của lớp mẫu giáo 5 tuổi đều là trẻ từ lớp 4 tuổi chuyển lên, nên phần lớn trẻ là bạn cũ quen thân, trong khi ở tiểu học không chỉ có các bạn cũ từ mẫu giáo mà còn có cả các bạn mới ở trường khác và mối quan hệ với các anh chị lớp trên;
- + Sự thay đổi và kì vọng của cha mẹ đối với đứa trẻ: khi ở tuổi mẫu giáo trẻ đến trường hoàn toàn là để vui chơi, bố mẹ chưa đặt cao mục tiêu giáo dục, thành tích cho con. Tuy nhiên, ngay khi vào lớp 1, nhiều phụ huynh quan tâm nhiều đến thành tích học tập, điểm số... và đã vô tình tạo nên áp lực cho trẻ.

Bên cạnh đó, mục tiêu thành tích của nhà trường gây áp lực lên giáo viên, giáo viên tiếp tục đặt áp lực lên đứa trẻ. Mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh có phần xa cách hơn, hoặc có sự thiên vị, so sánh giữa học sinh này với học sinh khác hay sự phân biệt đối xử giữa học sinh khá và yếu, tất cả những yếu tố này đều có thể gây nên những tác động tiêu cực đến trẻ.

## 2.2. Những thay đổi của bản thân trẻ

Ở giai đoạn này, trẻ tăng trưởng hơn về chiều cao và cân nặng, kỹ năng vận động

thô và tinh tốt hơn. Trẻ có khả năng tập trung chú ý lâu hơn, bước đầu chuyển từ tư duy trực quan hành động sang tư duy hình ảnh, sơ đồ và tư duy trừu tượng. Trẻ bộc lộ cảm xúc rõ ràng, ví dụ trẻ hào hứng, tự hào vì mình đã lớn và sắp được đi học lớp 1. Trẻ cảm thấy tự tin, tự lập hơn. Chẳng hạn, nếu cha mẹ quan tâm chăm sóc thái quá đôi khi làm trẻ không thích và nói “con lớn rồi, sang năm con đi học lớp 1 rồi, con sẽ tự đánh răng, mặc quần áo không cần bố mẹ giúp đỡ đâu”.

Tuy nhiên, những thay đổi trong giai đoạn chuyển tiếp mà trẻ phải đối mặt là sự thay đổi môi trường học tập cả về vật chất lẫn tinh thần, thay đổi về phương pháp, hình thức dạy học của giáo viên và thay đổi trong cách học của trẻ... Do đó, nếu không được chuẩn bị tốt trong giai đoạn này, khi mới bắt đầu vào lớp 1 trẻ có cảm giác bị hẫng hụt, được biểu hiện thông qua các hành vi như:

- Trẻ không thích đi học, tìm mọi lý do để trì hoãn việc đi học hoặc khóc lóc mỗi buổi sáng: “Con nhớ cô...” (cô giáo ở lớp mẫu giáo). Nhiều trẻ đã từng nói với những người thân trong gia đình: “Ước gì con bé mãi, để được học ở lớp mẫu giáo mãi mãi...”;
- Trẻ sợ phải tập viết, thường kêu mỏi tay, đau tay khi phải viết;
- Trẻ ngủ không yên giấc, hay giật mình;
- Trẻ sợ phải đi vệ sinh ở trường.

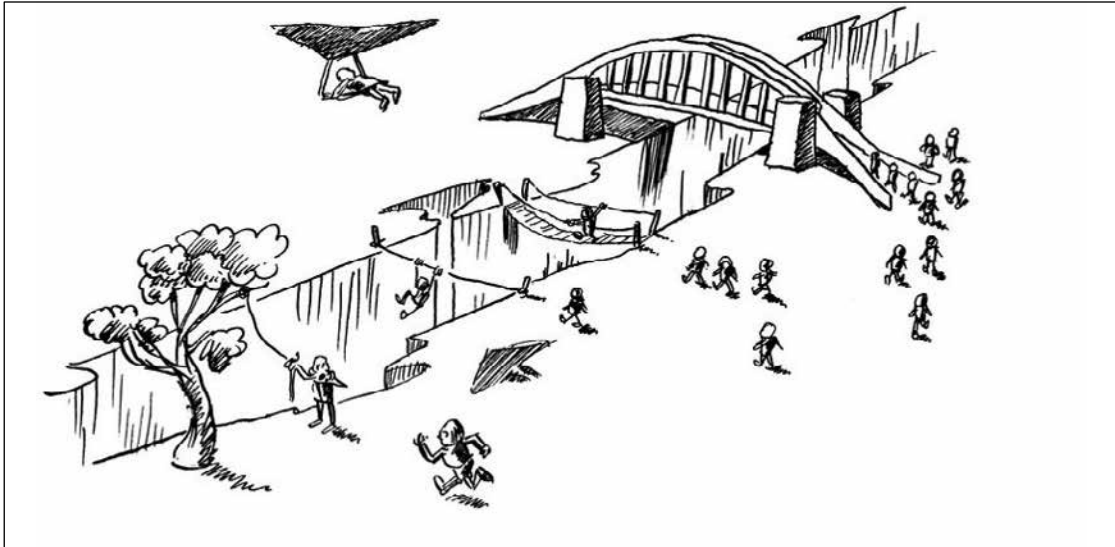
Chính những biểu hiện vụn vặt này khiến trẻ thấy tự ti trước bạn bè, dẫn đến việc trẻ sợ đi học.

Tóm lại, chuẩn bị hành trang cho bé vào lớp 1 không chỉ là biết đọc, biết viết các chữ cái hay tính toán mà quan trọng là chuẩn bị cho trẻ kỹ năng thích ứng xã hội như sự tự tin, tính độc lập, sự hợp tác, tự điều khiển mình và thấu hiểu chia sẻ. Ngoài ra còn phải quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của trẻ. Cho dù tự tin đến đâu thì trẻ cũng sẽ gặp phải một số vấn đề trong giai đoạn đầu tiên hòa nhập với một môi trường hoàn toàn mới mẻ. Hiểu được điều này, gia đình và nhà trường sẽ hỗ trợ được trẻ tốt nhất, giúp trẻ sẵn sàng đi học.



### 3. GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP LÀ MỘT QUÁ TRÌNH

Giai đoạn chuyển tiếp trong giáo dục được hiểu là một quá trình thay đổi, trong đó trẻ chuyển từ môi trường giáo dục này sang môi trường giáo dục khác với những thay đổi về môi trường, không gian, thời gian, phương pháp giảng dạy, bối cảnh học tập, khả năng tự học tập và mối quan hệ xã hội của trẻ.



Trong thực tế, mặc dù tất cả trẻ em được học cùng một chương trình giáo dục, với cùng một giáo viên và cùng mục tiêu chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt ở mỗi lứa tuổi/lớp, nhưng không phải mọi trẻ em đều có mức độ sẵn sàng giống nhau. Khi kết thúc lớp mẫu giáo 5 tuổi, một số trẻ đã sẵn sàng để vào lớp 1, nhưng một số trẻ sẽ cảm thấy chới với, hoặc cảm thấy khó khăn khi thực hiện một nhiệm vụ nào đó vì sự sẵn sàng đi học của trẻ không chỉ là vấn đề của chính đứa trẻ mà là một quá trình liên tục, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau như gia đình, nhà trường và xã hội. Đặc biệt đối với những trẻ ở gia đình khó khăn, khi cha mẹ thường ít quan tâm tới việc chuẩn bị sẵn sàng về sức khỏe, trí tuệ, việc học tập và các hành vi của trẻ.

Thách thức chính của giai đoạn chuyển tiếp không đơn giản là trẻ được nhập học trường tiểu học mà quan trọng hơn là phải giúp trẻ phát triển khả năng để trẻ học tập tốt ở tiểu học. Sự sẵn sàng đến trường không chỉ là khả năng học tập của trẻ (khả năng tính toán và đọc viết), những quy tắc ứng xử (xếp hàng, giữ trật tự), mà sự sẵn sàng còn thể hiện ở những yếu tố khác như sự tự tin, tự lập, sức khỏe, mối quan hệ xã hội và sự hứng thú trong học tập trước khi trẻ bước vào lớp 1. Giai đoạn chuyển tiếp cho trẻ cơ hội học cách quản lý sự thay đổi của bản thân và thích ứng với môi trường xung quanh. Bên cạnh khó khăn trẻ phải đối mặt với khối lượng kiến thức lớn hơn ở lớp 1, trẻ còn gặp những căng thẳng trong giai đoạn chuyển tiếp do các em thiếu kỹ năng sống như:

- Ý thức về bản thân (mình là ai? mình cần phải làm gì?)
- Năng lực xã hội (sự thích ứng với những thay đổi của môi trường xung quanh).
- Kỹ năng giao tiếp với những người xung quanh.
- Tự tin (để biết phải làm gì và làm như thế nào).
- Tự chủ/độc lập (khả năng tự hành động khi cần thiết).

Vì vậy, việc hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp cần được thực hiện không chỉ trong một thời điểm như ở lớp mẫu giáo 5 tuổi hay trong 1-2 tuần làm quen (hay còn gọi là tuần 0) làm quen ở lớp 1, mà công việc này cần được thực hiện từ rất sớm, ngay từ khi trẻ bắt đầu đi học lớp mẫu giáo bé, thậm chí ngay từ khi trẻ chưa đi học và phải được tiếp tục trong suốt những năm đầu tiểu học để đáp ứng các nhu cầu và hỗ trợ đặc biệt cho trẻ.

Tóm lại, giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học là giai đoạn mà trẻ cần được hỗ trợ để có thể thích ứng với những sự thay đổi từ bản thân của trẻ và thay đổi về môi trường học tập, mối quan hệ xã hội và gia đình..., đặc biệt trẻ em có hoàn cảnh có khăn và trẻ dân tộc thiểu số. Giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học được nhìn nhận là điểm khởi đầu cho học tập có chủ đích, có thể ảnh hưởng tới sự thành công hay thất bại trong quá trình học tập của trẻ ở nhiều năm sau. Việc giúp trẻ vượt qua những khó khăn do sự thay đổi từ môi trường học cũng như thay đổi từ bản thân không thể thực hiện trong thời gian nhất định mà phải là một quá trình liên tục và lâu dài.

### Tiền học tập



### Sự sẵn sàng đến trường

### Làm quen với hoạt động học tập

### Giai đoạn chuyển tiếp là một quá trình

## 4. HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP HIỆU QUẢ

Để hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp một cách hiệu quả cần chú trọng đến cả 3 khía cạnh của sự sẵn sàng - Trẻ em sẵn sàng, nhà trường sẵn sàng và gia đình sẵn sàng.

### 4.1. Trẻ em sẵn sàng

Sự thành công của trẻ ở trường tiểu học được quyết định bởi một loạt hành vi và khả năng như đọc viết, tính toán, hòa hợp với các bạn và tham gia vào hoạt động học tập. Những hành vi và khả năng này có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với các lĩnh vực phát triển và kỹ năng học tập mà trẻ đã được chuẩn bị từ mầm non.

Không phải mọi trẻ đều sẵn sàng vào cùng một thời điểm với cùng một cách. Có trẻ sẵn sàng đến trường sớm hơn, nhưng cũng có trẻ cần nhiều thời gian hơn để thực sự sẵn sàng. Sự sẵn sàng đề cập tới mọi trẻ, đặc biệt đối với trẻ từ những khu vực khó khăn và dễ bị tổn thương, bao gồm trẻ em gái, trẻ em khuyết tật và trẻ dân tộc thiểu số.

#### 4.1.1. Những dấu hiệu nhận diện sự sẵn sàng của trẻ

Để xác định trẻ từ mầm non đã thật sự sẵn sàng vào trường tiểu học hay chưa là một việc làm khó khăn. Trước hết chúng ta cần tìm hiểu kỹ một số kỹ năng cần chuẩn bị cho trẻ trước khi đi học, sau đó xem xét trẻ thực sự có có đầy đủ các kỹ năng đó hay chưa. Khả năng thích ứng với hoàn cảnh mới của trẻ từ mầm non lên tiểu học không chỉ là kiến thức mà còn phải có kỹ năng quản lý sự thay đổi của bản thân. Một số dấu hiệu cơ bản dưới đây giúp chúng ta nhận diện sự sẵn sàng đi học của trẻ:

- **Khả năng vận động**
  - Trẻ có thể đi lại, chạy nhảy, leo trèo được một mình;
  - Trẻ biết sử dụng dao, kéo, bút chì và các dụng cụ học tập khác, có thể vẽ được hình người và các hình dạng khác nhau;
  - Trẻ có thể đi vệ sinh, chuẩn bị và thay quần áo cũng như một số kỹ năng tự chăm sóc bản thân khác...
- **Khả năng nhận thức**
  - Có thể nói được tên đầy đủ của mình;
  - Nhận biết được một số hình dạng khác nhau và phân biệt được thế nào là lớn, thế nào là nhỏ;
  - Phân biệt được các màu sắc khác nhau hoặc tương đồng với nhau;



- Có hứng thú với những câu chuyện kể trong sách vở;
- Biết đếm các số trong phạm vi từ 1-10;
- Nhận biết được bảng chữ cái và phát âm đúng.
- **Khả năng thể hiện tình cảm và quan hệ xã hội**
  - Trẻ luôn cảm thấy thoải mái, vui vẻ khi được đến trường, thích đi học;
  - Tự lập trong các hoạt động tập thể của trường/lớp và tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể;
  - Có thể tự chơi một mình;
  - Có thể tập trung chú ý trong khoảng thời gian ngắn (từ 10-15 phút);
  - Có thể chơi cùng với các bạn khác;
  - Biết cách hòa đồng với những người lớn tuổi, có ứng xử phù hợp....
  - Điều khiển được hành vi của bản thân. Biết cách kiềm chế sự nôn nóng;
  - Hiểu được một số quy tắc của nhà trường;
  - Có thể đưa ra được một số quyết định đơn giản;
  - Có khả năng tự chịu trách nhiệm về những việc mình làm;
  - Trẻ tự tin vào bản thân (không cảm thấy lo lắng, sợ hãi khi đến trường, biết phải làm gì và làm như thế nào và khả năng tự hành động khi cần thiết.)
- **Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp**
  - Có thể trình bày ý kiến của mình một cách rõ ràng cho những người khác hiểu được (có thể vẫn có sai sót trong cách dùng từ);
  - Biết cách tuân thủ những quy tắc đơn giản;
  - Có thể nói được những câu ngắn gọn, rõ ràng;
  - Biết cách đặt câu hỏi (tại sao, ai, cái gì, con gì...);
  - Biết cách đối thoại với người khác;
  - Biết kể lại một câu chuyện ngắn gọn nào đó;
  - Biết lắng nghe người khác nói, kể chuyện trong buổi sinh hoạt tập thể;

*Trên đây là một số tiêu chí gợi ý cụ thể, tuy nhiên không phải trẻ nào cũng đảm bảo đầy đủ những tiêu chí đó và điều đó không có nghĩa là trẻ không có những thành công bước đầu. Xác định được trẻ đạt những tiêu chí nào đó cụ thể cũng chỉ mang tính chủ quan, vì những kỹ năng mà trẻ có được có thể bị thay đổi trong những hoàn cảnh khác nhau. Vì thế những tiêu chí này chỉ mang tính chất tham khảo, không có tính quyết định.*

#### 4.1.2. Gia đình và trường mầm non làm gì để giúp trẻ em sẵn sàng

Môi trường học tập trong các lớp mẫu giáo lớn cũng đã trang bị cho trẻ khá nhiều kiến thức và kỹ năng giao tiếp xã hội cần thiết. Tuy nhiên, gia đình cần tăng cường trao đổi với giáo viên để theo dõi sát sao sự phát triển các kỹ năng của con mình.

Gợi ý một số hoạt động để gia đình và trường mầm non giúp trẻ sẵn sàng:

- + Trao đổi với giáo viên ở trường tiểu học xem có những yêu cầu gì với trẻ ở năm đầu của bậc tiểu học. Điều này sẽ giúp cả cho giáo viên mầm non và cha mẹ chuẩn bị tốt hơn cho năm học đầu tiên của trẻ.
- + Hãy hỏi trẻ 5 tuổi để biết được các em muốn biết gì và hỏi học sinh tiểu học xem khi bắt đầu lên lớp 1 các em mong muốn biết điều gì;
- + Cho trẻ đến thăm trường mới (tiểu học) cùng với các bạn sẽ học cùng trường;
- + Cho trẻ tham gia vào các hoạt động với trẻ lớn hơn trong các lần đến thăm trường mới;
- + Cho trẻ em gặp gỡ cô giáo tương lai (chủ nhiệm lớp) chứ không phải là lãnh đạo nhà trường;
- + Trường mầm non tổ chức tổ chức đa dạng các hoạt động ngoại khóa có sự tham gia của cha mẹ trẻ để tăng cường khả năng ngôn ngữ cho trẻ và rút ngắn khoảng cách khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và điều kiện học tập khác đặc biệt đối với những trẻ thiệt thòi, trẻ em dân tộc thiểu số. Tạo sự bình đẳng cho tất cả trẻ em.
- + Tạo ra môi trường thực hành thực tế, hiệu quả nhằm nuôi dưỡng sự hứng thú học tập và thúc đẩy việc học của mọi trẻ và kịp thời hỗ trợ sự chuyển tiếp hiệu quả cho mọi trẻ từ mầm non lên tiểu học không chỉ ở lớp 1 mà còn ở những lớp tiếp theo của trường tiểu học.



*Trẻ trường Mầm non Tân Long, Tân Kỳ, Nghệ An đi thăm trường tiểu học  
(Ảnh: VVOB Việt Nam)*

## 4.2. Nhà trường sẵn sàng

Khi bắt đầu vào trường tiểu học, trẻ chuyển từ môi trường hoạt động vui chơi là chủ đạo sang môi trường học tập là chủ đạo. Ở môi trường tiểu học trẻ đối mặt với các mối quan hệ mới, môi trường vật chất và xã hội đều tương đối xa lạ. Vì vậy, để lập kế hoạch hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp, nhà trường cần tìm hiểu tại sao có một số trẻ thích ứng tốt với môi trường mới, trong khi một số trẻ khác gặp khó khăn. Khi hiểu được sự khác biệt của từng trẻ, giáo viên cần điều chỉnh cách dạy cho phù hợp hơn với đặc điểm của trẻ, chứ không bắt trẻ phải tự thích nghi với nội dung và phương pháp dạy học của chương trình tiểu học. Việc điều chỉnh này không chỉ dựa trên những thiếu hụt của đứa trẻ về kiến thức mà còn phải dựa trên những kinh nghiệm và kĩ năng đã có của trẻ.

### 4.2.1. Những dấu hiệu nhận diện nhà trường sẵn sàng

Sự sẵn sàng của nhà trường là cung cấp môi trường học tập tối ưu để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. Một nhà trường sẵn sàng, ngoài đáp ứng đầy đủ các yếu tố về cơ sở vật chất theo chỉ thị 40/2008/CT-BGDĐT ngày 22/7/2008, còn cần tập trung vào các dấu hiệu sau:

- Môi trường học tập thân thiện (cả về vật chất và tinh thần, đảm bảo an toàn cho trẻ):
  - + Bố trí không gian lớp học phù hợp với nhu cầu và đặc điểm phát triển của trẻ
  - + Tạo môi trường khuyến khích, chào đón và bình đẳng với mọi trẻ;
- Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa/ngôn ngữ, hòa nhập trẻ khuyết tật;
- Có hồ sơ cá nhân của trẻ từ trường mầm non, hồ sơ được ghi chép đầy đủ, tập trung vào tất cả các năng lực của trẻ và có hướng đề xuất tiếp theo để giáo viên tiểu học có thể tiếp tục hỗ trợ trẻ hiệu quả trong giai đoạn chuyển tiếp;
- Có kế hoạch cụ thể hỗ trợ trẻ trong từng giai đoạn chuyển tiếp,
- Giáo viên gần gũi, thân thiện với trẻ;
- Giáo viên biết cách điều chỉnh nội dung/phương pháp dạy học phù hợp, hiệu quả với từng đối tượng.

### 4.2.1. Làm gì để trở thành nhà trường sẵn sàng?

Ở nhiều nước trên thế giới có sự liên thông giữa hai bậc học mầm non và tiểu học nên quá trình chuyển tiếp diễn ra một cách nhẹ nhàng đối với trẻ em. Ở Việt

Nam, hai bậc học được tách bạch khá rõ ràng về cơ chế quản lý cũng như phương pháp dạy và học nên trẻ gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn chuyển tiếp. Vì vậy, để nhà trường sẵn sàng hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp cần có những việc làm cụ thể sau:

- **Từ góc độ quản lý:**

- Tạo được sự thống nhất về quan điểm và chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương về giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học;
- Có kế hoạch hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp rõ ràng, cụ thể để kết nối giữa hai bậc học. Kế hoạch đó cần đề cập tới những vấn đề như:
  - + Bậc học mầm non cần làm gì ở lớp 5 tuổi? Tiểu học cần làm gì để chào đón trẻ vào lớp 1? Làm như thế nào?
  - + Thời gian cụ thể thực hiện các hoạt động để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp? Làm như thế nào?
  - + Ai là người chịu trách nhiệm chính? Ai là người tham gia hỗ trợ?
  - + Kết quả mong đợi của từng hoạt động (tập trung vào kết quả của trẻ)...
- Cần có chính sách thúc đẩy các trường tiểu học hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp dựa trên các điểm mạnh của giáo dục mầm non như chú ý đến sự phát triển của trẻ, học thông qua trò chơi, khám phá trải nghiệm, tạo sự tự tin trong học tập, tránh sự phân biệt đối xử và so sánh giữa trẻ này với trẻ khác..

*(Xem thêm tài liệu “Nâng cao năng lực quản lý sự thay đổi của Hiệu trưởng để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học”).*

- **Từ góc độ giáo viên:**

- Tạo môi trường học tập hiệu quả;
- Nghiên cứu hồ sơ cá nhân của từng trẻ và tổng hợp thành một bức tranh tổng thể. Khi nghiên cứu hồ sơ nên tập trung vào tất cả các năng lực để xem năng lực/kĩ năng nào trẻ còn thiếu/yếu, từ đó có thể thực hiện các bước hỗ trợ tiếp theo;
- Giáo viên mầm non và tiểu học lập kế hoạch thực hiện các hoạt động với cha mẹ trong giai đoạn chuyển tiếp;
- Quan sát để nhận biết những điểm cần hỗ trợ đối với mỗi trẻ và đưa ra hỗ trợ phù hợp;

*(Chi tiết xem Phần 2)*

### 4.3. Gia đình sẵn sàng

Gia đình sẵn sàng là thái độ của cha mẹ, người chăm trẻ và sự tham gia của họ vào việc hỗ trợ con em học tập trong giai đoạn chuyển tiếp lên lớp 1.

#### 4.3.1. Những dấu hiệu về “gia đình sẵn sàng”

- Sự cam kết của cha mẹ trong việc đảm bảo trẻ đi học đúng độ tuổi;
- Cha mẹ tạo điều kiện, khuyến khích con đi học đầy đủ, đúng giờ và tập cho con có một số thói quen mới:
  - + Đi ngủ và thức dậy vào giờ cố định vào buổi sáng;
  - + Khuyến khích con tự mặc quần áo, soạn sách vở, kiểm tra xem trẻ đã chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập hay chưa.
- Có góc học tập hoặc dành không gian học tập cho trẻ;
- Không phân biệt đối xử giữa con trai, con gái;
- Sự quan tâm và tham gia của cha mẹ cùng con vào những hoạt động hỗ trợ học tập như hát, đọc sách, kể chuyện và chơi trò chơi;
- Sẵn sàng lắng nghe con chia sẻ về những việc xảy ra ở trường học (có những trẻ rất thích kể lại cho bố mẹ nghe mọi hoạt động của trường nhưng một số trẻ khác lại không thích như vậy. Nếu con không muốn bố mẹ cũng không nên ép con phải kể lại những hoạt động của trường.)

#### 4.3.2. Gia đình làm gì để giúp trẻ sẵn sàng?

Mối quan hệ và sự hỗ trợ của gia đình là những viên gạch đầu tiên và là nền tảng cho sự phát triển kỹ năng tình cảm, xã hội của trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp. Dưới đây là một số gợi ý những điều cha mẹ cần làm để giúp trẻ sẵn sàng:

- Tạo không khí vui vẻ trong gia đình và mong chờ đến ngày đầu tiên đi học bằng cách tất cả các thành viên trong gia đình đều quan tâm đến ngày đầu tiên đi học của trẻ;
- Nói cho con biết trước những thay đổi có thể xảy ra khi trẻ chuyển từ mầm non lên tiểu học. Ví dụ: cha mẹ có thể nói rằng trẻ cần dậy sớm hơn để đi học đúng giờ, đi học về phải làm bài tập ở nhà hoặc dạy trẻ các xin phép cô giáo khi đi vệ sinh hoặc giơ tay xin phép cô khi muốn ra ngoài hay cần sự giúp đỡ...
- Không tạo áp lực về kết quả học tập, mà cần làm cho trẻ cảm thấy thích thú, tự tin khi được đi học. Cha mẹ khuyến khích trẻ kể về những điều hay/vui ở trường/lớp;

- Dành thời gian làm bạn với con, trò chuyện với con về ngôi trường mà cả gia đình và trẻ đã dự định đi học;
- Tập cho trẻ có thói quen tự lập trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ như vệ sinh cá nhân, ăn uống, sắp xếp sách vở, góc học tập;
- Cho con tham gia vào việc đi mua sắm đồ dùng học tập, sách, vở, bút và để trẻ tự quyết định lựa chọn những gì mình cần.

*Những kỹ năng mà mỗi đứa trẻ cần phải có được trước khi đến trường không hoàn toàn giống nhau, vì thế cha mẹ tuyệt đối không nên so sánh con mình với những đứa trẻ khác. Khả năng học tập của trẻ ở các lĩnh vực khác nhau cũng khác nhau, vì thế việc mang con ra so sánh với những người bạn khác của chúng sẽ gây cho trẻ một áp lực lớn không đáng có, đặc biệt là ở giai đoạn chuyển tiếp này.*



*Cha mẹ cùng con chơi và học (Ảnh: VVOB)*

*(Chi tiết tham khảo tài liệu **Cha mẹ hỗ trợ con trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học**).*



## CÂU HỎI SUY NGẪM

1. *Hãy hình dung về thời thơ ấu và chia sẻ bạn sợ nhất điều gì khi chuẩn bị đi học lớp 1? (hoặc có thể nghĩ về con bạn/học sinh của bạn)*
2. *Ở thời điểm đó, bạn mong muốn điều gì ở thầy/cô giáo và bố mẹ?*
3. *Thầy cô giáo đã làm gì để hỗ trợ bạn trong giai đoạn đó?*
4. *Bố mẹ bạn đã làm gì để hỗ trợ bạn trong giai đoạn chuyển tiếp?*
5. *Tại sao trẻ cần được hỗ trợ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học?*
6. *Tại sao nói giai đoạn chuyển tiếp là một quá trình?*







**MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ TRONG GIAI ĐOẠN  
CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC**





Phần 1 đã cho thấy giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học là giai đoạn rất quan trọng trong cuộc đời của một đứa trẻ. Trong giai đoạn chuyển tiếp, trẻ phải đối mặt với những thay đổi của chính bản thân và những thay đổi về môi quan hệ, môi trường học tập, phương pháp giảng dạy, bối cảnh học tập... Những thay đổi này khiến trẻ gặp khó khăn trong quá trình học tập, do đó, trẻ cần được hỗ trợ tối đa để vượt qua giai đoạn này một cách nhẹ nhàng. Hơn nữa, giai đoạn chuyển tiếp là một quá trình kéo dài, không phải một thời điểm, và trẻ cần nhận được sự hỗ trợ trong suốt quá trình. Sự chuyển tiếp thành công không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực hòa nhập với những thay đổi của chính bản thân đứa trẻ mà cần có sự hỗ trợ của nhà trường, gia đình và cộng đồng để có thể tạo tâm thế sẵn sàng cho trẻ bước vào lớp 1. Trong đó, việc tạo nên môi trường học tập hiệu quả đóng vai trò vô cùng quan trọng và người giáo viên đóng vai trò then chốt trong công việc này.

Phần 2 tập trung vào vai trò của giáo viên trong việc xây dựng môi trường học tập hiệu quả trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. Sau khi học xong phần này, giáo viên có thể:

- Giải thích được thế nào là môi trường học tập hiệu quả với 3 thành tố chính;
- Xác định được biện pháp xây dựng môi trường học tập hiệu quả phù hợp với bối cảnh địa phương và hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp;
- Áp dụng sáng tạo các biện pháp đã được xác định ở trên trong quá trình dạy học tại lớp mình.



# 1. MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ

## 1.1. Cách hiểu về môi trường học tập hiệu quả

Môi trường học tập hiệu quả là môi trường mà ở đó trẻ được tạo điều kiện tốt nhất để học tập và phát triển năng lực phù hợp với khả năng và thực tế cuộc sống của trẻ; được khuyến khích, hỗ trợ và tạo cơ hội học tập; cảm thấy thoải mái, tự tin tham gia vào quá trình học; được tôn trọng và thấy mình có khả năng học tập; được an toàn và phát triển về thể chất.

Môi trường học tập hiệu quả có 6 đặc điểm sau:

1. Hoàn thiện và phong phú/đa dạng về điều kiện cơ sở vật chất trong khả năng tốt nhất có thể;
2. Khuyến khích hoạt động, tạo cơ hội cho trẻ học tập thông qua tổ chức hoạt động học tập (áp dụng, suy nghĩ, thử thách);
3. Cho phép trẻ được trải nghiệm để thấy rằng học tập là dựa trên những tình huống và nội dung có liên quan đến cuộc sống thực tế của trẻ. Và cho trẻ thấy với những kiến thức và kỹ năng của mình, trẻ có thể làm được gì hoặc chưa thể làm được gì;
4. Ở đó, giáo viên hỗ trợ trẻ lựa chọn và thực hiện các hoạt động học tập phù hợp với năng lực của trẻ;
5. Dần dần chuyển quyền tự chủ cho người học. Có nghĩa là ban đầu giáo viên cung cấp nhiều hướng dẫn/hỗ trợ và dần dần trẻ được tự chủ hơn trong việc học tập;
6. Giúp trẻ phát triển một cách có hệ thống nhận thức về bản thân thông qua đánh giá và phản hồi mang tính tích cực. Nghĩa là môi trường hình thành và phát triển niềm tin, sự tự tin về năng lực của bản thân - yếu tố quan trọng thúc đẩy động cơ học tập của trẻ

## 1.2. Các thành tố cấu tạo nên môi trường học tập hiệu quả



*Các thành tố tạo môi trường học tập hiệu quả (Verhelst, 2006)*

### 1.2.1. Môi trường lớp học phong phú, đa dạng, an toàn và tin cậy

#### a) Môi trường lớp học phong phú, đa dạng

Mọi lớp học đều đa dạng bởi lẽ mỗi đứa trẻ là một cá thể, khác nhau về cá tính, khả năng học tập, hoàn cảnh và kinh nghiệm sống, sở thích và nhu cầu học tập. Hơn nữa, trẻ học theo nhiều cách khác nhau và phát triển theo những nhịp độ khác nhau. Đó là sự đa dạng trong học tập. **Sự đa dạng này có giá trị tích cực đối với việc học của tất cả trẻ vì mỗi đứa trẻ có thể đóng góp và mang lại nhiều giá trị khác nhau cho “món súp” học tập. Sự đa dạng là một món quà chứ không phải là một gánh nặng.** Vì vậy, tạo lập một môi trường học tập phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu học tập, năng lực khác nhau của trẻ là một cách tiếp cận để môi trường học tập thực sự có hiệu quả đối với trẻ.

Sự phong phú, đa dạng của môi trường lớp học cần được thể hiện ở các khía cạnh cơ bản sau:

- Các hoạt động học tập được tổ chức đa dạng, phương pháp dạy học được áp dụng linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu, năng lực, nhịp độ học tập khác nhau của trẻ. Giáo viên cần tạo ra nhiều cơ hội học tập, cách học khác nhau để tất cả trẻ có thể được học phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân, đặc biệt những em có hoàn cảnh khó khăn và năng lực đặc biệt.

- Sự khác nhau của trẻ về nền tảng văn hóa, tính cách, năng lực... đều được tôn trọng trong quá trình học tập.
- Không gian lớp học được bố trí/trung bày phong phú, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập và vui chơi của trẻ. Lớp học phải là một không gian có các thiết bị, đồ dùng học tập để trẻ học và khám phá; có các đồ vật/sản phẩm của trẻ được trưng bày để trẻ cảm thấy mình thuộc về lớp học và lớp học thuộc về mình. Môi trường vật chất lớp học không phải là môi trường tĩnh/cố định mà cần được khai thác và thay đổi, bổ sung thường xuyên trong quá trình dạy học.

### *b) Môi trường lớp học an toàn, tin cậy*

Trẻ phát triển tính tự tôn (nhìn nhận, đánh giá về bản thân) và cá tính đồng thời với quá trình phát triển về tư duy. Nghĩa là trước khi tham gia thực sự vào quá trình học tập, trẻ cần có thái độ nhìn nhận tích cực về bản thân và có niềm tin rằng các em có khả năng học tập. **Trẻ cần tin rằng các em có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ với mức độ thành công trong học tập theo sức học của chính mình.** Tính tự tôn và khả năng học tập của trẻ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trẻ sẽ không có động cơ học tập nếu trẻ tự đánh giá thấp bản thân mình. Tính tự tôn của trẻ biểu hiện ở các khía cạnh:

- Cảm thấy bản thân các em và những đóng góp của các em được tôn trọng;
- Cảm thấy an toàn cả về thể chất lẫn tinh thần trong chính môi trường học tập của các em;
- Cảm thấy các em đặc biệt và những ý kiến của các em là có giá trị.

Tính tự tôn, sự tự tin của trẻ chỉ có thể được hình thành và phát triển trong một môi trường học tập thoải mái, tin cậy, an toàn (đặc biệt quan trọng đối với nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn như: trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ gia đình nghèo, trẻ khuyết tật...). Người lớn, đặc biệt là giáo viên, đóng vai trò rất lớn trong sự phát triển tính tự tôn của trẻ. **Chúng ta không thể trao cho trẻ một cách nhìn nhận tích cực về bản thân mình nhưng chúng ta có thể tạo cho các em một môi trường tốt để phát triển tính tự tôn.** Nhiệm vụ của giáo viên là phải tôn trọng tất cả trẻ trong lớp học và các phẩm chất của từng cá nhân trẻ. Giáo viên cũng cần hiểu đặc điểm của mỗi trẻ để có thể xây dựng nhiệm vụ học tập và ứng xử phù hợp để các phẩm chất/năng lực của trẻ được sử dụng và phát triển theo hướng tích cực.

Môi trường an toàn, tin cậy của lớp học cần được thể hiện ở các khía cạnh cơ bản sau:

- Trẻ được chăm sóc, phát triển sức khỏe thể chất và được bảo vệ trước những nguy cơ như xâm hại thể xác, tai nạn, thương tích;
- Trẻ được bày tỏ ý kiến mà không lo lắng về sự mắc lỗi;

- Trẻ được khuyến khích và ghi nhận những đóng góp ở các cách và mức độ khác nhau;
- Trẻ được tạo điều kiện và cơ hội tham gia vào các hoạt động học tập phù hợp với năng lực;
- Trẻ nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ từ bạn và thầy cô;
- Trẻ được học trong bầu không khí lớp học vui vẻ, thú vị;...

Đối với trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp, việc xây dựng môi trường học tập an toàn, tin cậy cần được đặc biệt quan tâm bởi trẻ đang phải đối mặt với những khó khăn trong việc thay đổi môi trường học tập. Đặc biệt đối với trẻ là người dân tộc thiểu số thì việc giảm thiểu những áp lực mà trẻ gặp phải trong việc học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai cần được đặc biệt chú trọng. Để việc học nói chung và học ngôn ngữ nói riêng có hiệu quả, trẻ cần được học trong một môi trường thân thiện và hỗ trợ để giúp các em không chỉ phát triển về ngôn ngữ, kiến thức và kỹ năng mà còn hình thành thái độ tích cực về bản thân.

Một số ví dụ về môi trường an toàn, tin cậy:

*Ví dụ 1: Hoạt động tạo hình “Trẻ tập làm đồ dùng đồ chơi”*

*Tại trường Mầm non thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái nguyên trong hoạt động cho trẻ 5 tuổi tập làm đồ dùng đồ chơi (dùng chiếc khăn mặt gấp gấu bông) thuộc chủ đề Bản thân, để khởi động, cô giáo yêu cầu học trò nhắm mắt, cô giáo nấp sau một chiếc bàn đóng giả làm chú hề, trên tay cầm chú gấu bông rồi cho phép trẻ mở mắt. Bằng cách đó, cô giáo tạo môi trường học tập vui vẻ, thú vị, bí ẩn, kích thích trí tò mò của trẻ.*

*Ví dụ 2: Trong một tiết Học vần (Tiếng Việt, Lớp 1), học sinh thực hành viết vào bảng con các âm: n, m, tiếng: nơ, me. Sau mỗi lần viết, có 2 em học sinh luôn bị cô yêu cầu cầm bảng con lên đứng trước lớp để các bạn và cô giáo nhận xét về lỗi chữ viết chưa đúng kích cỡ, chưa đẹp (có thể đây là những học sinh viết yếu hơn so với cả lớp)... Cách sửa lỗi như vậy có thể sẽ khiến những học sinh này cảm thấy xấu hổ trước các bạn, tự ti về bản thân. Để tránh “nguy cơ” này, giáo viên có thể sửa trực tiếp, riêng cho những học sinh mắc lỗi.*

### 1.2.2. Nhiệm vụ học tập thực tế và có ý nghĩa đối với trẻ

Vấn đề quan trọng là làm thế nào để việc học tập trở nên có ý nghĩa với mọi trẻ, để mọi trẻ đều muốn tới trường. **Quá trình học tập có ý nghĩa là liên hệ được những gì trẻ đang học với cuộc sống hàng ngày của trẻ và có tính thách thức nhằm thúc đẩy sự phát triển của trẻ.** Vì vậy, thiết kế nhiệm vụ học tập thực tế và mang tính



thách thức sẽ là điều kiện quan trọng để làm cho việc học trở nên có ý nghĩa đối với trẻ.

- *Nhiệm vụ học tập có tính thực tế*: Không một trẻ nào tới trường mà chưa từng được học một điều gì tại gia đình hoặc cộng đồng. Trách nhiệm của giáo viên là tìm ra kiến thức nào trẻ đã biết, kỹ năng nào trẻ đã học và dựa trên những kinh nghiệm và kiến thức này để dạy cho các em những kiến thức mới. Nghĩa là xây dựng mối liên hệ giữa những gì các em đã biết và có thể làm tốt với nhiệm vụ mới mà bài học đòi hỏi; gắn liền nhiệm vụ học tập với cuộc sống, nhu cầu của trẻ. Vì vậy, quan tâm đến môi trường đang sống của học sinh để điều chỉnh nội dung dạy học, thiết kế nhiệm vụ học tập phù hợp với thực tế cuộc sống của trẻ là cách mà giáo viên làm cho việc học tập trở nên có ý nghĩa hơn đối với trẻ, phụ huynh và cả cộng đồng.
- *Nhiệm vụ học tập có tính thách thức*: Bản tính tự nhiên của trẻ là tò mò và thích khám phá. Bản tính này cần được khai thác trong quá trình thiết kế nhiệm vụ học tập. Nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ không thúc đẩy được động cơ học tập và sự phát triển của trẻ. Ngược lại, nếu nhiệm vụ quá khó trẻ sẽ không thể thực hiện và có thể chán nản. **Nhiệm vụ có tính thách thức nghĩa là có một “khoảng cách” (độ khó) giữa yêu cầu của nhiệm vụ và khả năng của trẻ** (độ khó này cao hơn khả năng của trẻ nhưng nằm trong “tầm với” mà trẻ có khả năng làm được nếu có sự hỗ trợ phù hợp của giáo viên, độ khó không quá cao so với năng lực của trẻ).

Cần lưu ý rằng: “khoảng cách” của mỗi trẻ là không giống nhau. Mỗi trẻ sẽ tự cố gắng để “lấp” khoảng cách bằng khả năng và theo nhịp độ của chính mình. Để làm được điều đó, trẻ phải **mong muốn lấp đầy “khoảng cách”** (động lực) và **có khả năng lấp đầy khoảng cách đó** (năng lực). Đây là 2 điều kiện rất quan trọng của việc học. Giáo viên cần **tạo cơ hội cho trẻ thực hiện các ý tưởng để lấp đầy “khoảng cách”** này. Tuy nhiên, trẻ muốn làm không có nghĩa là trẻ có thể làm được, trong nhiều trường hợp, trẻ cần được hỗ trợ để có thể vượt qua thách thức.

Ví dụ sau đây cho thấy 4 mức độ khác nhau của nhiệm vụ học tập có ý nghĩa đối với trẻ:

**Chủ đề: Nước**

Mức độ	Hoạt động của GV và trẻ	Phân tích
<b>Mức độ 1</b>	<b>Trẻ chơi tự do với nước:</b> Giáo viên cho 4 trẻ chơi tự do với chậu nước, chai lọ, ca múc nước...	Trẻ khám phá nước trong một hình thức chơi rất vui vẻ, thoải mái. Tuy nhiên, đây chưa thể gọi là nhiệm vụ học tập và cũng không thể gọi là hoạt động ngôn ngữ. Trẻ hoạt động mà không cần có ngôn ngữ và không có nhiệm vụ được giao.
<b>Mức độ 2</b>	<b>Tham gia cùng và tương tác với trẻ</b>  Giáo viên tham gia cùng với trẻ và thể hiện sự thích thú với những gì trẻ đang làm; nêu câu hỏi để trẻ chia sẻ/nói về những gì trẻ đang làm; yêu cầu trẻ quan sát việc làm của bạn khác trong nhóm...	Hoạt động này chưa phải là một nhiệm vụ học tập vì chưa có mục tiêu cụ thể nào được đặt ra để trẻ thực hiện. Trẻ vẫn hoạt động tự do theo động lực riêng của bản thân. Trẻ sử dụng các giác quan, vận động nhưng chưa sử dụng ngôn ngữ có tính mục đích.
<b>Mức độ 3</b>	<b>Bước đầu có nhiệm vụ</b>  Giáo viên quan sát và tham gia cùng với trẻ. Ngoài các can thiệp như ở mức độ 2, giáo viên đưa ra một số thử thách như: làm cho lọ nước chìm, làm đầy lọ nước mà không cần đổ nước vào...  <i>“Mai, Nam này! Các con có thể làm đầy lọ nước này mà không cần rót nước vào hay không?”</i>  <i>“Còn Hà, Minh, các con có thể làm chìm chai này không?...”</i>  Hoặc: Yêu cầu trẻ tạo ra một chiếc “chai thần kì” bên trong có nước và các vật liệu khác như rom, giấy màu, các ngôi sao... (khi lắc chai sẽ tạo ra các màu sắc, hình ảnh khác lạ), mang về nhà để làm bố mẹ ngạc nhiên	Trẻ phải hiểu giáo viên nói gì và thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. Bởi vậy, việc giao tiếp/tương tác trở nên có giá trị hơn. Trẻ có thể tự khám phá theo cách của chúng và bắt đầu cố gắng thực hiện yêu cầu của cô. Nghĩa là có một số mục tiêu/nhiệm vụ mang tính thực tế và thú vị được đặt ra cho trẻ.  Tuy nhiên, hoạt động này vẫn chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chí của một nhiệm vụ học tập. Trẻ vẫn chưa tham gia thực sự vào một hoạt động có sử dụng ngôn ngữ để đạt được mục tiêu. Chỉ mới là bước đầu có nhiệm vụ ngôn ngữ.  Mục tiêu ở đây thực tế và hấp dẫn với trẻ nhưng mới chỉ là bước đầu có nhiệm vụ vì chưa thực sự phải sử dụng ngôn ngữ, trẻ vẫn có thể hoàn thành nhiệm vụ mà không cần phải tương tác với người khác.

<p><b>Mức độ 4</b></p>	<p><b>Hoạt động có nhiệm vụ học tập cụ thể</b></p> <p><i>Nhiệm vụ:</i> có 20 vật (đó có thể là cả vật chìm và nổi), trẻ phải tìm ra những vật nào nổi và những vật nào chìm, viết/vẽ kết quả lên giấy và sau đó so sánh với kết quả của nhóm khác. Nhóm 4 trẻ cùng thảo luận, đưa ra kết luận và điền chung vào một phiếu.</p> <p>Giáo viên cung cấp các vật chìm hoặc nổi khi cho vào nước, nhưng cũng có một số vật có thể gây tranh cãi (ví dụ: mẫu giấy, một chiếc hộp mở nắp...)</p> <p>Giáo viên chọn và đưa cho trẻ một bảng/biểu để trẻ có thể ghi vào đó những phát hiện của mình, nhưng lần tiếp theo trẻ có thể tự xây dựng nên bảng/biểu này. 4 đứa trẻ có thể tự nhận lấy thách thức này (thực tế là chúng chỉ có 1 hình thức để điền). Trẻ phải lập kế hoạch cho công việc của mình, so sánh ý kiến của chúng và quyết định cùng nhau. Trẻ sẽ phải tranh luận về những vật mà không chìm ngay lập tức để quyết định đưa vật đó vào nhóm vật chìm hay phải xếp theo phân loại khác. Tất cả điều này sẽ thúc đẩy trẻ nói ra ý kiến, lý lẽ của mình và lắng nghe ý kiến của bạn khác.</p>	<p>Mức độ này gọi là hoạt động có nhiệm vụ học tập vì trẻ thực hiện nhiệm vụ, đạt mục tiêu đề ra và phải sử dụng ngôn ngữ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (để thảo luận và viết ra giấy). Nhiệm vụ học tập có tính thực tế (quen thuộc, gắn với cuộc sống hàng ngày của trẻ) và có tính thách thức (có vật để xác định chìm hay nổi, có vật khó xác định, từ chọn hình thức trình bày kết quả trên giấy...)</p>
------------------------	--	--

Ví dụ trên cho thấy, chỉ khi hoạt động được thiết kế ở mức độ 4 thì mới được gọi là nhiệm vụ học tập. Ở mức độ này trẻ được tham gia vào các hoạt động học thực sự. Nếu thiết kế ở mức độ 1, 2, 3 thì chỉ là hoạt động, chưa phải là nhiệm vụ học tập. Vì vậy, để trẻ học có hiệu quả, giáo viên cần thiết kế hoạt động học tập ở mức độ 4. Lưu ý rằng: các mức độ nêu trên không phải là quy trình/các bước tổ chức dạy học mà chỉ là cách phân tích để giúp giáo viên nhận diện và biết cách thiết kế một nhiệm vụ học tập.

### 1.2.3. Hỗ trợ thông qua tương tác

Chiến lược hỗ trợ theo “giàn giáo” là cách thức giáo viên cung cấp hỗ trợ dựa trên nền tảng kiến thức sẵn có của trẻ, theo các mức độ phù hợp để giúp trẻ tiếp thu kiến thức và kỹ năng ở mức độ cao hơn mà nếu không có sự hỗ trợ của giáo viên thì học sinh sẽ không đạt được. Tương tự như “giàn giáo” trong xây dựng, chiến lược hỗ trợ của giáo viên là tăng thêm khi trẻ cần hoặc giảm đi khi trẻ không cần nữa. Một số học sinh cần sự hỗ trợ nhiều hơn học sinh khác hoặc có những học sinh hoàn toàn không cần hỗ trợ. Thời điểm đưa ra sự hỗ trợ là một yếu tố quan trọng khác trong chiến lược hỗ trợ theo “giàn giáo”. Người giáo viên cần có khả năng bao quát lớp học tốt, cụ thể là quan sát cá nhân/nhóm trẻ để kịp thời xác định được tình huống có vấn đề, từ đó xác định thời điểm đưa ra sự hỗ trợ phù hợp.



Chiến lược hỗ trợ theo “giàn giáo” là một chiến lược quan trọng trong dạy học. Mục đích chính của chiến lược này là:

- Giúp trẻ đạt được mục tiêu/hoàn thành nhiệm vụ theo từng bước;
- Làm giảm đi những xúc cảm tiêu cực như lo lắng, căng thẳng, sợ thất bại, sợ bị chê bai mà trẻ có thể gặp phải khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Trong chiến lược hỗ trợ theo “giàn giáo”, tương tác là yếu tố quan trọng. Việc tăng cường tương tác giữa giáo viên và trẻ sẽ giúp:

- Giảm bớt mức độ khó khăn của nhiệm vụ;
- Trẻ cảm thấy được giáo viên quan tâm hỗ trợ, từ đó có được sự tin cậy đối với giáo viên và tự tin đối với bản thân;
- Thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp của trẻ.

Tương tác cần dựa trên nhu cầu của trẻ, nhiệm vụ của hoạt động và quan trọng hơn là tạo cơ hội cho trẻ có thể tự giải quyết vấn đề. Khi trẻ chưa thể nhận ra được vấn đề/việc gì cần giải quyết, giáo viên cần giúp trẻ nhận ra vấn đề thông qua hệ

thống các câu hỏi gợi ý. Giáo viên cũng có thể hỗ trợ bằng cách đưa ra các bước thực hiện để trẻ có thể thực hiện từng bước một.

*Ví dụ về hỗ trợ thông qua tương tác:*

Nhiệm vụ: Dựa vào tranh minh họa, kể lại một đoạn trong câu chuyện “Rùa và Thỏ”, phân môn Kể chuyện ở lớp 1:

*(My, một học sinh nhút nhát trong lớp, ít khi giơ tay phát biểu ý kiến)*

GV: My, em có thể kể đoạn 1 của câu chuyện cho cả lớp cùng nghe không?

*(My ngập ngừng đứng lên)*

GV (đến bên My): Nào, em lên đây! Cô tin là em sẽ kể được.

My: Một con Rùa đang chạy... *(ngập ngừng)*

GV *(chỉ vào hình ảnh bờ sông trong tranh và giọng ân cần)*: Rùa đang tập chạy ở đâu?

My *(rụt rè)*: Bờ sông

GV *(tươi cười)*: Đúng rồi! Một con Rùa đang tập chạy trên bờ sông.

My: Một con Rùa đang tập chạy trên bờ sông.

*(Chỉ vào Thỏ trong tranh)* Thỏ nhìn thấy cười: Chậm mà cũng đòi tập chạy! *(ngờng, ngược nhìn cô)*.

GV: Rùa đáp thế nào?

My: Rùa đáp anh đừng cười tôi, anh chạy thi với tôi xem ai nhanh hơn?

GV: Em giỏi lắm! Thái độ Thỏ ra sao?

My: Thỏ cười nói: Dám chạy thi với ta sao?

GV: Thỏ ngạc nhiên *(làm cử chỉ mắt mở to, giọng giễu cợt)*: Chú em mà dám chạy thi với ta sao? Ta cho chú chạy trước một nửa đường đấy!

My *(bất chước theo giọng điệu của cô)*: Chú em dám chạy thi với ta sao? Chú em dám chạy thi với ta sao? Ta cho chú chạy trước một nửa đường đấy!

GV: My rất giỏi! Cả lớp khen bạn nào *(vỗ tay)*.

GV: Cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ diễn ra thế nào? Em nào muốn kể tiếp đoạn 2 của câu chuyện?...

Trong 3 thành tố của môi trường học tập hiệu quả nêu trên thì môi trường phong phú đa dạng, an toàn, tin cậy (vòng tròn ngoài cùng) và nhiệm vụ học tập thực tế và ý nghĩa (vòng tròn giữa) là điều kiện, phương tiện cơ bản cần thiết của môi trường học tập. Trong khi đó, yếu tố quyết định nhiều đến sự thành công trong học tập của trẻ chính là sự hỗ trợ thông qua tương tác (vòng tròn trong cùng). Ba thành tố bổ trợ cho nhau để tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp trẻ phát triển một cách tốt nhất mọi tiềm năng.

## 2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC

Trong giai đoạn chuyển tiếp, môi trường học tập hiệu quả ở mầm non và tiểu học cần lồng ghép các yếu tố của nhau một cách phù hợp để giúp trẻ thích nghi dần dần. Nghĩa là môi trường học tập ở mầm non cần chứa đựng những yếu tố của tiểu học và ngược lại môi trường học tập ở tiểu học cần duy trì những yếu tố hợp lý của mầm non (hay nói cách khác là đưa các yếu tố của mầm non lên tiểu học và các yếu tố của tiểu học xuống mầm non). Để làm được điều này, giáo viên mầm non và tiểu học cần thực hiện một số biện pháp sau:

### 2.1. Tạo môi trường học tập phong phú, đa dạng, an toàn và tin cậy

#### 2.1.1. Bố trí không gian lớp học phong phú, đa dạng

Ngoài việc tuân thủ những quy định hiện hành về bố trí và trang trí không gian lớp học ở bậc học mầm non và tiểu học, giáo viên cần lưu ý một số điều sau:

Mầm non	Tiểu học
<p>Ở lớp học mầm non, ngoài các đồ dùng học tập, đồ chơi của mầm non, giáo viên có thể bố trí, trưng bày một số sản phẩm, đồ dùng của tiểu học (đặc biệt là lớp 1)</p> <p><i>Ví dụ:</i> Ở góc Toán có các chữ cái/con số, bảng tính; góc Tiếng Việt/góc đọc có một số truyện tranh, truyện đọc ở lớp 1; góc khám phá TN-XH có tranh ảnh về các con vật, cây trồng, vật dụng mà học sinh ở lớp đầu tiểu học được học...</p>	<p>Ở các lớp học của tiểu học, giáo viên bố trí, trưng bày lớp học có yếu tố gần gũi/tương tự như lớp học ở mầm non</p> <p><i>Ví dụ:</i> Căn cứ vào không gian/điều kiện thực tế, lớp tiểu học có thể bố trí không gian lớp học có một số góc phục vụ hoạt động học tập (nghệ thuật, đọc sách/thư viện, toán, TN-XH, văn hóa địa phương, trưng bày sản phẩm học tập ...</p>
<p>Việc bố trí bàn ghế/chỗ ngồi ở mầm non linh hoạt tùy theo hoạt động học tập. Thỉnh thoảng, trong một số hoạt động, giáo viên có thể tổ chức việc ngồi cho trẻ theo cách “có kỉ luật” (cố định, hàng, dãy, ngồi vào bàn đúng tư thế...) để trẻ làm quen với “kỉ luật”.</p> <p><i>Ví dụ:</i> Giờ làm quen với chữ cái, trẻ được sắp xếp ngồi theo hàng giống như ở lớp 1, ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách để tập tô.</p>	<p>Giáo viên tiểu học có thể bố trí linh hoạt hình thức tổ chức hoạt động tương tự như mầm non ở một số phân môn/hoạt động dạy học phù hợp.</p> <p><i>Ví dụ:</i> Trong phân môn Kể chuyện, giáo viên có thể bố trí trẻ ngồi xung quanh cô để nghe cô kể chuyện, tạo giao tiếp/tương tác với trẻ một cách gần gũi, không nhất thiết trẻ ngồi thành từng bàn; một số nội dung học tập có thể cho trẻ học ngoài sân, vườn, dã ngoại...</p>





Cách bố trí các góc trong lớp 1A, trường Tiểu học Minh Lập 1, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Ảnh: VVOB Việt Nam)

### 2.1.2. Tạo môi trường học tập an toàn, tin cậy

#### a) Giáo viên làm gì để trẻ cảm thấy được quan tâm, chào đón ở lớp học?

- Gặp gỡ gia đình trẻ, biết tên trẻ và hoàn cảnh gia đình của trẻ ngay từ đầu năm học. Thường xuyên hỏi thăm, trò chuyện với các em về bản thân và gia đình các em để tạo sự cởi mở, thân thiện, gần gũi. Tìm hiểu những việc mà trẻ đó có thể làm được, gọi trẻ người dân tộc thiểu số bằng tên và bằng chính ngôn ngữ của em (nếu không thể làm được điều này, có thể tìm sự trợ giúp của trẻ hoặc cộng đồng).
- Tổ chức đón trẻ, chăm sóc trẻ (rửa mặt, chải tóc, trò chuyện, chơi cùng với trẻ, thỉnh thoảng “biến” mình thành trẻ con để nói chuyện và chơi với trẻ,...).
- Tạo môi trường vật chất và tổ chức các hoạt động để trẻ cảm nhận được sự ấm áp, tin cậy. Mỗi ngày đến lớp, các em được nhìn thấy tên, thấy hình ảnh, ngày sinh nhật và các sản phẩm của mình trong lớp sẽ giúp các em cảm thấy mình thuộc về lớp học/trường học.
- Quan tâm, chú ý đến một số trẻ hay bị các bạn khác bắt nạt; quan sát, tìm kiếm xem có dấu hiệu gì cho thấy trẻ đang có tâm lý căng thẳng. Ví dụ: buồn bã, lo lắng khi rời khỏi lớp, không tập trung chú ý trong giờ học... Giáo viên cần ghi chép ngay những hiện tượng này và kịp thời tìm cách giải quyết.

**b) Giáo viên làm gì để trẻ cảm thấy được an toàn, tôn trọng?**

- Khi trẻ mắc lỗi, giáo viên cần khéo léo hướng dẫn, sửa lỗi để các em nhận thấy rằng các em không bị chê cười vì mắc lỗi và mắc lỗi là một phần tự nhiên của quá trình học. Điều này sẽ đem lại cảm giác an toàn, sự tự tin, vui vẻ trong quá trình học, đặc biệt là trẻ dân tộc thiểu số học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai. Nếu ngược lại, trẻ sẽ lo lắng, sợ hãi khi mắc lỗi, tâm lý này sẽ đè nặng và làm cho trẻ thiếu tự tin trong quá trình học.
- Thể hiện thái độ tôn trọng ngôn ngữ dân tộc thiểu số, văn hóa dân tộc bằng cách:
  - + Học một số từ, mẫu câu tiếng dân tộc để có thể giao tiếp với trẻ hoặc liên hệ các từ tiếng Việt với tiếng dân tộc;
  - + Không kể các câu chuyện châm biếm về dân tộc, về khuyết tật,...
  - + Mời ai đó trong cộng đồng (già làng, cán bộ xã, người có uy tín trong thôn bản...) đến dự giờ và kể về công việc của họ, cuộc sống của họ hoặc giới thiệu về văn hoá, lịch sử địa phương. Trước khi mời ai đó đến nói chuyện, cần giải thích cho họ mục đích của việc làm này. Đây cũng là cơ hội dạy trẻ phát triển các kỹ năng xã hội. Giáo viên cùng trẻ lập kế hoạch: ai sẽ đón tiếp khách mời? nên đón tiếp khách mời thế nào? cách nói chuyện với người lớn ra sao? (xung hô, thái độ, cử chỉ, câu hỏi nào nên đặt ra...), khách mời nên ngồi ở đâu? cảm ơn họ thế nào?,...
- Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp với trẻ và khi giảng bài giáo viên cần nói đơn giản, dễ hiểu với trẻ. Giữ thái độ nhẹ nhàng, tình cảm; tránh cáu gắt hoặc mang theo sự bức tức, khó chịu ở ngoài hay ở nhà vào lớp học.
- Đối xử bình đẳng với tất cả trẻ trong lớp học, không phân biệt dân tộc hay giàu nghèo, không phân biệt học tốt hay chưa tốt; không chế nhạo, đe dọa hoặc đưa ra những nhận xét gay gắt, thô bạo; không hành hạ trẻ về thể chất và tinh thần.
- Tổ chức, hướng dẫn để trẻ được quyết định và tham gia trang trí, sử dụng không gian lớp học: giáo viên tạo cơ hội cho phép trẻ bày tỏ ý kiến về những quyết định có ảnh hưởng đến môi trường học tập của mình. Khi treo/dán sản phẩm của trẻ lên tường cần có sản phẩm của tất cả các thành viên trong lớp.
- Thể hiện thái độ nhạy cảm về giới: Trong phân công nhiệm vụ, giáo viên lưu tâm đến tính công bằng giữa học sinh nam và học sinh nữ, không nên phân công các công việc có tính khuôn mẫu về giới, ví dụ: học sinh nam được làm các công việc có tính "kỹ thuật", học sinh nữ làm các công việc có tính "khéo léo". Đôi lúc, giáo viên có thể vô tình biến nội dung dạy học thành có ẩn ý về giới nếu như giáo viên không có ý thức đúng về giới. Thái độ của giáo viên,



hành vi thành kiến về giới có thể lan sang trẻ và tạo nên ấn tượng lệch lạc, khuôn mẫu về giới. Giáo viên tránh kể các câu chuyện hài hước về giới tính.

**c) Giáo viên làm gì để trẻ tin tưởng rằng “mình có thể học được”?**

- Thiết kế nội dung/nhiệm vụ học tập thực tế và có ý nghĩa đối với trẻ. Để làm được điều này, trước khi xây dựng kế hoạch một bài học, giáo viên nên tự đặt các câu hỏi: liệu chủ đề này/bài học này có ý nghĩa và phù hợp với trẻ hay không? Trẻ có thấy hứng thú khi học hay không? Trẻ đã biết gì về chủ đề sẽ học? các em sẽ gặp khó khăn gì và làm thế nào để giúp các em vượt qua khó khăn này?... giáo viên cần quan tâm đến môi trường đang sống của trẻ để điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với thực tế cuộc sống của trẻ (*xem thêm thông tin ở mục 2.2*).
- Tổ chức hoạt động học tập với mục tiêu rõ ràng. Trẻ cần hiểu rõ mình sẽ cố gắng học cái gì và mong đợi điều gì. Các hoạt động lớp học nên được thực hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt đơn giản, dễ hiểu với trẻ.
- Chấp nhận sự khác nhau trong cách học, năng lực, tốc độ học của mỗi trẻ. Giáo viên cần tạo ra nhiệm vụ học tập với các mức độ và cách học tập khác nhau để tất cả trẻ có thể học tập một cách có ý nghĩa và phù hợp với năng lực của mình.
- Tìm hiểu, khám phá điểm mạnh, năng khiếu của mỗi trẻ để khích lệ trẻ đóng góp vào quá trình học tập, giúp trẻ tin tưởng vào bản thân và có động lực trong học tập.
- Đánh giá và ghi nhận nỗ lực, tiến bộ của trẻ dù là nhỏ nhất. Giáo viên nên đưa ra câu nhận xét mang tính xây dựng bởi vì bất kỳ bài kiểm tra và nhận xét nào cũng có tác động về tâm lý đối với trẻ.

**d) Giáo viên làm gì để thiết lập và vun đắp mối quan hệ thân thiện, hợp tác giữa trẻ với trẻ?**

- Tạo cơ hội để trẻ được làm việc theo nhóm. Đối với nhiều trẻ, nếu có cơ hội làm việc trong nhóm nhỏ, các em sẽ học được từ bạn để có thể thử làm những việc mà các em không dám làm trước cả lớp. Làm việc theo nhóm nhỏ cũng đòi hỏi tự bản thân mỗi trẻ phải cố gắng nhiều hơn, phải hợp tác với bạn để hoàn thành nhiệm vụ. Trẻ sẽ phải học một số kỹ năng giao tiếp xã hội nếu các em muốn học tốt trong nhóm. Trẻ thường làm việc tốt trong nhóm vì các em có thể cảm thấy nói chuyện dễ dàng hơn khi trao đổi với bạn, đặc biệt là khi nói các từ mới. Khi trẻ làm việc nhóm, giáo viên cần gần gũi với trẻ và quan sát xem trẻ hợp tác với nhau ra sao.
- Phân công trách nhiệm/giao nhiệm vụ phù hợp với mỗi thành viên trong nhóm; động viên để trẻ quan tâm giúp đỡ nhau trong mọi hoạt động học tập và vui chơi.

## 2.2. Thiết kế nhiệm vụ học tập thực tế và có ý nghĩa đối với trẻ

### 2.2.1. Giáo viên thiết kế nhiệm vụ học tập như thế nào?

#### a) Gắn nhiệm vụ học tập với thực tế cuộc sống của trẻ

- Nội dung/nhiệm vụ học tập gắn liền với các mối quan tâm của trẻ và với thế giới thực tại xung quanh trẻ. Nghĩa là những trải nghiệm trong cuộc sống hằng ngày trong bối cảnh gia đình, cộng đồng được sử dụng/khai thác như một cơ hội cho việc học của trẻ.
- + Chăm sóc thú nuôi, cây cối hoặc làm vườn; nấu ăn (dụng cụ làm bếp, nguyên liệu nấu ăn...);
- + Khám phá tự nhiên, kĩ thuật: khám phá cát, nước; cách làm cho đồ chơi chuyên động; các vật nổi hoặc chìm; hạt nảy mầm...
- + Các hoạt động trải nghiệm với các nguyên liệu và công cụ cho mục đích thực tế như: sử dụng băng dính để gắn đồ vật lên tường, dây chun để buộc các que tính, móc để treo quần áo/mũ...
- + Liên hệ Toán với những hoạt động hàng ngày (ví dụ: tính quãng đường và thời gian từ nhà đến trường, tính không gian của một sân cầu lông, giá tiền hàng hóa, ước lượng nước cần đổ đầy vào xô, tính tiền phải trả cho 3 kilôgam khoai; đếm bước nhảy lò cò/bước đi, đếm nhịp của nhạc cụ...)

*Ví dụ 1: Khi dạy về chủ đề Quê hương - Đất nước, các cô giáo trường Mầm non Chà Val, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam cho trẻ học về quê mình thông qua việc làm nhà rông. Trẻ tự tạo mái nhà rông bằng lá cây, bẻ cây xếp thành thân nhà rông, xếp ao cá, con đường đi vào nhà bằng đá, làm cây xanh bằng cành cây... Ngoài ra, cô hướng dẫn trẻ dùng ống hút nhiều màu cắt thành từng đoạn ngắn để trẻ xâu cườm. Lá cây, que khô, dây nhựa, bìa các tông được cắt thành hình tròn để làm công, chiêng ...*

*Cũng với chủ đề Quê hương – Đất nước, các cô giáo trường Mầm non Lịch Sơn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tổ chức hoạt động ngoài trời, cho trẻ đi thăm đồi chè, tìm hiểu quy trình chế biến chè ( hái chè, sơ chế, sao chè, đóng gói...), cho trẻ tham gia vào các bước trong quy trình và thực hành pha chè...*

*Khi dạy về chủ đề côn trùng, các cô giáo trường Mầm non Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tổ chức cho trẻ chơi thổi ống tạo ra các âm thanh khác nhau để tạo tiếng kêu côn trùng như con ve, con ong, con muỗi, chơi với cát, nước, tạo hình các loại côn trùng bằng lá cây khô, dùng ngón tay nhúng vào màu nước để vẽ hình công trùng, đọc sách lớn về côn trùng, cho trẻ quan sát côn trùng thật bỏ chai nhựa, làm album câu chuyện về côn trùng....*

*Tương tự, với hoạt động làm quen với Toán, để nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày, giáo viên cùng trẻ chuẩn bị đồng hồ, điện thoại, điều khiển ti vi, lịch, biển số xe, các loại hạt hạt, bìa cát tông, kéo hồ dán, que khô.... Sau đó, giáo viên để đồ dùng đồ chơi theo từng nhóm và cho trẻ tự đến khám phá, trải nghiệm theo cách riêng, ví dụ, trẻ bấm điện thoại nói chuyện với bạn, cắt những con số trên tờ lịch dán vào bìa cứng làm biển số xe, làm đồng hồ, lấy que khô làm kim đồng hồ, làm điều khiển ti vi, dùng những hạt bắp, hạt đậu xếp tạo thành những con số...*

*Ví dụ 2: Bài: Độ dài đoạn thẳng (Toán, Lớp 1)*

*Để đạt được mục tiêu học sinh nhận biết được biểu tượng “dài hơn - ngắn hơn” của đoạn thẳng thông qua đặc tính “dài - ngắn” của chúng, giáo viên có thể giao nhiệm vụ cho học sinh so sánh độ dài một số đồ dùng học tập của mình (ví dụ như thước kẻ, bút chì, chiều dài cạnh cuốn sách, cuốn vở...) và sau đó yêu cầu học sinh giải thích bằng cách nào để biết được vật nào dài hơn, ngắn hơn. Sau đó, giáo viên hướng dẫn học sinh cách so sánh trực tiếp bằng cách chập hai vật (ví dụ: thước kẻ và bút chì) có một đầu bằng nhau (theo cách so đĩa ăn) rồi quan sát đầu kia để nhận ra vật nào dài hơn.*

- Nhiệm vụ học tập chứa đựng các cách học khác nhau (như: làm, nói, ghi chép, vẽ, động não, học nhóm, chia sẻ cá nhân...) để đáp ứng cách học khác nhau của trẻ và tạo cơ hội cho trẻ học qua trải nghiệm và tương tác với giáo viên và bạn.

*Ví dụ 1: Với chủ đề gia đình, các cô giáo trường Mầm non Chà Val, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tìm hiểu năng lực và sở thích của trẻ và thiết kế các nhiệm vụ khác nhau để đáp ứng sở thích và năng lực mỗi trẻ. Cụ thể, trẻ được tự do lựa chọn trang trí khung ảnh theo các cách khác nhau – bằng cách chấm và tô màu đơn giản, bằng cách vẽ hoa dọc theo khung ảnh, hoặc trang trí khung ảnh bằng hoa thật, lá và các hạt đỗ.*

*Ví dụ 2: Khi học về chủ đề Thế giới thực vật, với mục đích giúp trẻ mầm non làm quen với Toán (khái niệm to, nhỏ, làm quen với chữ số nhất định....), giáo viên có thể sử dụng các loại quả mà trẻ quen thuộc hàng ngày để thiết kế hoạt động học tập. Ở mức độ nhiệm vụ học tập đơn giản, có thể yêu cầu trẻ đếm số lượng quả. Tiếp theo, giáo viên có thể yêu cầu trẻ vừa nói vừa phân loại quả theo tiêu chí quy định (to nhỏ, màu sắc hoặc theo số lượng). Ở mức độ nâng cao hơn, giáo viên có thể yêu cầu trẻ gọi tên và đưa ra chữ cái đầu trong tên của loại quả, hoặc các thẻ chữ ghép thành tên của quả đó, cách chế biến món ăn với loại quả đó, cho trẻ chế biến một món đồ uống cụ thể với các loại quả...*

### **b) Tạo ra nhiệm vụ mang tính thử thách đối với trẻ**

- Thiết kế nhiệm vụ có **khoảng cách** giữa yêu cầu của nhiệm vụ với khả năng của trẻ (tức là nhiệm vụ nằm trong vùng phát triển gần). Trong đó, chú ý đến sự khác biệt về trình độ/khả năng của trẻ (xem mục 1.2.2).
- Thiết kế các hoạt động thú vị, hấp dẫn để thu hút sự tham gia của trẻ.
- Tập trung vào chất lượng của kiến thức cho trẻ, chứ không chỉ tập trung vào số lượng kiến thức. Kiến thức có chất lượng là các **nội dung phù hợp với nhu cầu học của trẻ**, mang tính cá nhân (nói về chính đứa trẻ hay gia đình của trẻ, những trải nghiệm của chính trẻ...), có giá trị sử dụng (kiến thức có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tế).

#### **Ví dụ 1: Bài 22: Cây rau (Tự nhiên – Xã hội, Lớp 1)**

Để đạt được mục tiêu học sinh kể được tên và nêu lợi ích của một số cây rau, chỉ được rễ, thân, lá và hoa của cây rau và kể được tên các loại rau ăn lá, rau ăn thân, rau ăn củ, rau ăn quả, rau ăn hoa... giáo viên yêu cầu học sinh mang đến một số loại rau có ở địa phương cũng như giáo viên chủ động chuẩn bị một số loại rau và thiết kế nhiệm vụ học tập ở các mức độ khác nhau. Với bài tập ở mức độ dễ, giáo viên yêu cầu học sinh tự do trao đổi trong nhóm, nói về loại rau mà mình mang đến. Ở mức độ tiếp theo, giáo viên hỏi và học sinh mô tả về các loại rau, các bộ phận của cây rau, bộ phận nào có thể ăn, không thể ăn. Ở mức độ nâng cao hơn, giáo viên có thể giao nhiệm vụ tương tự như trên, nhưng yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, thảo luận và đại diện nhóm trình bày kết quả. Nhiệm vụ học tập này sẽ được nâng cao hơn và có tính thử thách khi giáo viên lưu ý để trong số các loại rau mà học sinh cần phân loại theo bộ phận ăn được và không ăn được có một số loại rau ăn được nhiều bộ phận (ví dụ: su su, rau bí, rau lang...)

#### **Ví dụ 2: Bài: Xé và dán hình vuông (Thủ công, Lớp 1)**

Với mục đích của bài học là học sinh xé được ô hình vuông theo yêu cầu và dán lên tờ giấy A4, để nhiệm vụ học tập trở nên thú vị hơn, cô giáo trường Tiểu học Minh Lập 1, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên cho học sinh làm việc theo nhóm, chuẩn bị cho mỗi nhóm một sản phẩm mà trẻ sẽ phải dùng các ô vuông trang trí lên đó – ngôi nhà có các cửa sổ còn để trống, chiếc đèn lồng với những ô còn trống ở 6 mặt, chiếc đèn hình tròn có những ô trống, đoàn tàu với 4 toa phía sau. Với mục đích giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề, giáo viên có thể tính toán sao cho số ô trống và số học sinh trong nhóm là khác nhau, và yêu cầu học sinh thảo luận và thực hiện cách dán, cách đặt các ô màu cạnh nhau sao cho sản phẩm đẹp nhất.



Sản phẩm từ tiết thủ công “Xé dán hình vuông” của học sinh lớp 1, trường Minh Lập 1, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Ảnh: VVOB Việt Nam)

## 2.2.2. Giáo viên làm thế nào để đưa yếu tố mầm non lên tiểu học và đưa yếu tố tiểu học xuống mầm non trong thiết kế nhiệm vụ học tập và phương pháp dạy học?

### a) Đối với giáo viên mầm non

- Tìm hiểu chương trình, nội dung dạy học ở các lớp đầu tiểu học (lớp 1, 2) để biết trẻ sẽ học gì và học như thế nào, những nội dung nào trẻ cũng được học ở tiểu học để có thể lồng ghép trong quá trình dạy học ở mầm non, giúp trẻ bước đầu làm quen.

*Ví dụ:* Ở lớp 1, học sinh học về số trong phạm vi 10, giáo viên mầm non có thể thiết kế hoạt động cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi tìm đếm các con vật trong truyện tranh; Cho trẻ nhận biết chữ cái thông qua hoạt động nhảy vào ô có chữ cái đã được học.

- Thiết kế một số hoạt động học tập có chủ đích, hoạt động góc để phát huy tính độc lập, sáng tạo của trẻ, giúp trẻ làm quen với phương pháp, cách học ở tiểu học.
- Thỉnh thoảng tạo ra những hoạt động có yêu cầu cao hơn độ tuổi của trẻ.

*Ví dụ:* Tìm các chữ cái đã học có trong từ; ghép âm tạo thành vần...

- Chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp, học theo nhóm khi trẻ hoạt động góc

để trẻ dần tiếp cận với cách học ở lớp 1.

- Dành thời gian trong ngày cho trẻ làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm nhỏ.
- Tập cho trẻ làm quen với việc tự xác định nhiệm vụ học tập (bắt đầu từ các nhiệm vụ đơn giản).
- Tập cho trẻ làm quen và sử dụng một số đồ dùng học tập lớp 1 (bút, thước kẻ, tẩy, kéo...).
- Giúp trẻ nhận ra mối liên quan giữa nói và viết (chữ).

**b) Đối với giáo viên tiểu học:**

- Tìm hiểu chương trình, nội dung dạy học ở mầm non (đặc biệt là mẫu giáo 5 tuổi) để biết trẻ đã được học gì, học như thế nào, nội dung nào trùng lặp, từ đó có kế hoạch thiết kế các nhiệm vụ học tập phát triển trên nền tảng trẻ đã học ở mầm non.
- Xuất phát từ nhiệm vụ học tập của tiểu học nhưng sử dụng phương pháp, đồ vật ở mầm non để trẻ cảm thấy gần gũi, dễ thực hiện.

*Ví dụ:* Nhảy vào ô chữ để ghép âm, vần thành từ; sử dụng đất nặn để nặn chữ và ghép thành vần, từ...

- Tăng cường tổ chức các hoạt động học thông qua trò chơi (đặc biệt là các trò chơi dân gian).
- Lựa chọn một số hình thức tổ chức lớp học/hoạt động học tập thoải mái, gần gũi ở mầm non để tổ chức hoạt động học tập.

*Ví dụ:* Trong phân môn kể chuyện, giáo viên tổ chức hình thức kể chuyện như giáo viên mầm non (học sinh ngồi xung quanh nghe cô kể chuyện, kể chuyện theo tranh, tương tác với giáo viên...).

- Tăng cường hoạt động học dưới hình thức các góc.

*Ví dụ:* Học theo nhóm ở mầm non đưa lên áp dụng trong hoạt động Mỹ thuật ở tiểu học; học về cây cối ở góc khám phá tự nhiên hoặc ở vườn trường/khu vực xung quanh trường.



## 2.3. Hỗ trợ trẻ thông qua tương tác

### 2.3.1. Giáo viên cần phải làm gì để có thể hỗ trợ trẻ?

- **Giáo viên cần quan sát, bao quát lớp học để nhận ra những dấu hiệu trẻ gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ để có thể hỗ trợ trẻ kịp thời.** Khi thiết kế nhiệm vụ học tập, giáo viên phải phân tích đối tượng trẻ để dự đoán những khó khăn mà trẻ có thể gặp phải khi thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, trong quá trình học tập, giáo viên vẫn cần tiếp tục quan sát hoạt động học của trẻ và luôn đặt ra các câu hỏi: trẻ gặp khó khăn gì? vì sao trẻ lại gặp khó khăn đó? chiến lược hỗ trợ nào là phù hợp?... Nghĩa là để có thể hỗ trợ trẻ, giáo viên cần trở thành “người quan sát” tốt.
- **Khuyến khích trẻ nêu câu hỏi và yêu cầu trợ giúp khi trẻ gặp khó khăn.** Trong trường hợp trẻ có yêu cầu trợ giúp, giáo viên cần quan tâm hỗ trợ kịp thời. Nếu giáo viên không hỗ trợ kịp thời hoặc lơ đi yêu cầu của trẻ, trẻ có thể sẽ nghĩ rằng việc chúng đang làm không thực sự thú vị và không có vai trò gì trong nội dung/hoạt động học tập hoặc nhu cầu của trẻ không được giáo viên quan tâm. Trả lời qua loa hoặc lơ đi câu hỏi của trẻ chứng tỏ rằng giáo viên đang tập trung vào việc “dạy” theo cái mà giáo viên chuẩn bị chứ không tạo ra cơ hội học tập thực sự cho trẻ, giúp trẻ với những thắc mắc, khó khăn mà trẻ gặp phải.
- **Xác định hình thức hỗ trợ, mức độ hỗ trợ phù hợp với từng trẻ.** Dựa vào khó khăn mà trẻ gặp phải và năng lực của trẻ để đưa ra chiến lược hỗ trợ phù hợp (xem các ví dụ về tình huống hỗ trợ tương tác ở mục 2.3.2).



### 2.3.2. Một số lưu ý khi hỗ trợ thông qua tương tác

- Hướng dẫn rõ ràng và dễ hiểu nhưng không quá đơn giản (phù hợp với năng lực của trẻ);
- Quan sát, chú ý đến các phản ứng của trẻ trong quá trình giao tiếp;
- Lặp đi lặp lại nhiều lần hướng dẫn và nhấn mạnh các từ quan trọng;
- Nói chuyện riêng với trẻ nếu cần. Nếu trẻ thường xuyên được trò chuyện trực tiếp với cô giáo, các em sẽ tham gia vào hoạt động của lớp tích cực hơn sẽ có phản ứng nhanh hơn khi học ngôn ngữ thứ hai;
- Sử dụng các câu hỏi một cách phù hợp (nên sử dụng các câu hỏi khuyến khích trẻ tư duy);
- Để trẻ nói, khuyến khích trẻ nói (dù chỉ một vài tiếng, không nên mớm lời cho trẻ);
- Sau khi trẻ có phản ứng, giáo viên nên chờ một lát rồi mới bắt đầu nói và thời gian nói của giáo viên nên giảm đi;
- Dành thời gian thích đáng cho trẻ suy nghĩ và trả lời (không vội vàng chuyển lượt sang trẻ khác);
- Cho trẻ thấy giáo viên đang thực sự lắng nghe và quan tâm (bằng ánh mắt, cử chỉ...);
- Chú ý đến nội dung, ý mà trẻ muốn truyền đạt hơn là hình thức ngôn từ (đúng ngữ pháp, đúng phát âm...);
- Những từ ngữ gắn liền với các hoạt động có tác động mạnh hơn lên sự tiếp thu ngôn ngữ của trẻ so với từ ngữ không liên quan đến hoạt động;
- Thể hiện tôn trọng và đánh giá cao điều trẻ nói (chăm chú lắng nghe, chờ đợi, không sửa lỗi ngay. Việc sửa lỗi ngay lập tức và thường xuyên sẽ làm trẻ e ngại, rụt rè, không dám phát biểu nữa);
- Việc cô giáo thường xuyên ngăn cản trẻ nói tiếng mẹ đẻ có thể khiến trẻ ngại ngùng, không dám nói ra ý nghĩ của mình. Việc chấp nhận trẻ nói tiếng mẹ đẻ giúp trẻ cảm thấy được ở trong môi trường mà các em được chấp nhận.
- Việc cô giáo đưa ra những lời nhận xét tích cực giúp trẻ em nâng cao sự tự tin. Những trải nghiệm về sự thành công giúp trẻ em tự tin lên nhiều và cởi mở hơn với thế giới bên ngoài. Thành công không nhất thiết phải là sản phẩm hoàn hảo.

#### **Một số ví dụ về tình huống hỗ trợ tương tác:**

*Ví dụ 1:* Nhiệm vụ của trẻ trong một lớp mẫu giáo là phải mang các hộp đồ chơi từ góc này sang góc khác.



GV: Nào các con, chúng ta phải làm gì nào?

Trẻ: Đem các hộp đồ chơi này đến kia ạ (*chỉ tay vào góc cuối lớp học*)

GV: Đúng rồi! Cô và các con sẽ chuyển các hộp đồ chơi này đến góc lớp kia.

GV: Các con đếm xem có tất cả mấy hộp?

Trẻ (*bắt đầu đếm lẩm nhẩm*): Có 6 hộp ạ!

Hà (*một em nữ*): Có một hộp kia nữa ạ! (*và chỉ tay vào một hộp nhỏ khuất dưới gầm bàn*)

GV (*xoa đầu Hà*): Bạn Hà quan sát rất tốt, đã nhìn thấy một hộp dưới gầm bàn. Chúng ta cùng đếm xem có tất cả bao nhiêu hộp nhé! (*chỉ vào từng hộp để trẻ đếm*).

Trẻ: Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy.

GV: Vậy, có tất cả 7 hộp. Các con xem hộp nào to? Hộp nào nhỏ? và để thành hai hàng nào! (*và thực hiện cùng với trẻ*).

Trẻ (*xác định và xếp thành 2 hàng: hộp to và hộp nhỏ*): Hộp này to cô ạ! Hộp này nhỏ cô ạ!

GV: Các con giỏi lắm! Bây giờ các con nghĩ xem làm cách nào để chuyển các hộp này sang bên góc kia? Minh có cách nào không con?

Minh: Khiêng ạ!

GV: Ừ, chúng ta có thể cùng nhau khiêng. Còn cách nào nữa không? Mai: Cho vào xe đẩy cô ạ! Ở nhà bố em hay làm thế!

GV: Mai, nhà em có xe đẩy à? Bố em dùng xe đẩy làm gì?

Mai: Bố cho gạch vào xe đẩy ạ!

GV: Các bạn khác đã nhìn thấy xe đẩy bao giờ chưa? Mai, em có thể làm động tác đẩy xe như bố được không? (*Mai làm động tác đẩy xe cho các bạn xem, GV có thể vẽ phác họa hình xe đẩy lên giấy để trẻ hình dung*).

GV: Nếu lớp mình có xe đẩy như nhà bạn Mai thì chúng ta chuyển các hộp này rất nhanh đấy! Nhưng chúng ta không có xe đẩy. Vậy làm cách nào để đem chúng đi?

Tú: Đẩy bằng tay cũng được cô ạ! Thế này này! (*cúi xuống đẩy một hộp*).

GV: Hay quá! Bạn Tú nghĩ ra cách đẩy hộp đi. Vậy là chúng ta có thể khiêng hoặc đẩy các hộp này đến góc lớp. Mai, Minh, các con có thể khiêng hộp này không? Tú và Hà đẩy hộp này nhé!...

*Ví dụ 2: Tình huống thúc đẩy việc tạo ra ngôn ngữ*

GV: Chung, con nói cho cô biết bạn gái này trông thế nào? (*chỉ vào một bức ảnh/tranh*)

Chung: Tức giận

Tú: Tại sao bạn ấy tức giận?

(*Chung không nói gì*)

GV: Bạn ấy tức giận phải không Chung? Tại sao bạn ấy lại tức giận? Con có thể nhìn thấy/biết điều đó phải không Chung?

Chung: Ăn

GV: Con nghĩ là bạn ấy muốn ăn? Ừ, có thể bạn ấy muốn ăn. Thế con nghĩ bạn ấy muốn ăn ở đâu?

Chung: Nhà

GV: À, bạn ấy muốn đi về nhà phải không? Tại sao bạn ấy lại muốn về nhà?

Chung: Chơi đá bóng... các bạn nói không... các bạn không chơi.

GV: Ừ, thì ra thế, bạn ấy muốn chơi đá bóng, nhưng các bạn khác bảo rằng không thể chơi vì là con gái!

Chung: Vâng, vì các bạn cười... vì bạn ấy không chơi.

GV: Các bạn cười trêu bạn gái phải không?

Chung: Vì bạn ấy muốn về nhà, bạn ấy muốn thế.

GV: Ừ, bạn ấy tức giận và muốn đi về nhà. Các bạn đã trêu bạn ấy, và bạn ấy không thích bị trêu thế. Con làm rất tốt Chung ạ!

Ví dụ trên cho thấy giáo viên hỗ trợ để một trẻ có thể dần dần giải thích được bằng ngôn ngữ phổ thông (tương tự như trẻ em dân tộc thiểu số nói tiếng Việt). Mặc dù trẻ nói sai từ, ngữ pháp, nhưng giáo viên cố gắng giúp trẻ nói hết sức có thể và giáo viên chú ý nhắc lại ý của trẻ bằng từ, câu đúng ngữ pháp hơn, không quá chú trọng đến sửa lỗi sai của trẻ.

*Ví dụ 3: Hoạt động gấp một con chim*

**Hoạt động 1: Gấp chim**

- *Chuẩn bị:* một con chim đã được gấp, giấy A4, bút màu...
- *Hoạt động:* Giáo viên gấp một con chim, sau đó đưa trẻ đến một góc phòng, để con chim xuống và nói: Bạn chim đang khóc. Các con có biết tại sao không? Trẻ có thể trả lời: vì bạn chim chỉ có một mình, bạn chim cô đơn... Giáo viên hỏi: Liệu chúng ta có thể làm gì để giúp bạn chim trở nên vui vẻ hơn không?

**Hoạt động 2: Làm thêm bạn cho chim**

- *Chuẩn bị:* Giấy A4, giấy màu, sách báo, tạp chí cũ, bút màu, hạt na, lông chim, hồ dán...
- Từ vựng sẽ phát triển cho trẻ: sách, báo, tạp chí, gấp, giống nhau, đầu, giữa, đuôi, trang trí...
- *Hoạt động:* Giáo viên từng bước tháo con chim đã được gấp rồi lại gấp lại. Sau đó giáo viên gấp mẫu 1 con chim, chỉ cho trẻ cùng làm từng bước, thỉnh thoảng dừng lại để kiểm tra, rồi lại gấp tiếp. Sau đó trẻ sẽ trang trí con chim mình vừa gấp được theo cách trẻ thích.

**Hoạt động 3: Hướng dẫn bạn gấp chim**

- Trẻ giải thích cách gấp cho bạn;
- Từ vựng sẽ phát triển cho trẻ: giải thích, cho xem, làm theo, bước... đầu tiên, sau đó;
- Trẻ hướng dẫn cho bạn (bằng lời) cách gấp chim.

**Hoạt động 4: Làm giá treo chim**

- *Chuẩn bị:* Thanh tre/sắt..., dây, giấy màu, hồ dán...
- Từ vựng sẽ phát triển cho trẻ: bay, thổi, chim con, treo, giá treo...
- *Hoạt động:* Giáo viên cùng với trẻ làm giá treo, treo chim lên, thổi cho chim bay...

Ví dụ trên cho thấy trẻ không chỉ thực hiện hoạt động theo yêu cầu của tiết học mà giáo viên còn lồng ghép hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ một cách rất tự nhiên. Trẻ có cơ hội nói/trao đổi với cô/bạn để thực hiện nhiệm vụ của mình.

**2.3.3. Những lưu ý trong phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số****a) Khi dạy một bài học ngôn ngữ tiếng Việt:**

- Bắt đầu mỗi bài học bằng những hoạt động trò chuyện/giao tiếp một cách vui vẻ, thoải mái, gần gũi.
- Mục tiêu của bài học được xác định rõ ràng, cụ thể. Trẻ cũng cần được biết các mục tiêu này để hướng đến mục tiêu cần đạt.
- Bài tập có nhiều mức độ từ dễ đến khó. Lựa chọn bài tập, hoạt động phù hợp với trình độ của trẻ. Chia bài học thành nhiều cấp độ khác nhau để giúp trẻ đạt được từng mục tiêu.

- Đừng cố dạy quá nhiều thứ trong cùng một lúc. Trẻ có thể học và ghi nhớ từ vựng theo nhóm từ 3 từ cùng một lúc (ví dụ: xanh/vàng/đỏ hoặc cho/nhận/cám ơn...).
- Đừng dạy quá lâu vì sự tập trung chú ý của trẻ là có giới hạn. Nên cho trẻ giải lao bằng cách đưa ra những hoạt động vui vẻ như trò chơi, câu đố, bài hát...
- Tạo cơ hội cho trẻ sử dụng ngôn ngữ thứ hai để diễn đạt ý tưởng của mình (có thể cho phép trẻ tự lựa chọn chủ đề để hội thoại, giao tiếp).
- Sử dụng các phương tiện trực quan vui vẻ, thú vị.

*b) Những điều Nên làm và Không nên làm trong dạy tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số*

• **Nên làm:**

- Nói rõ ràng, âm lượng đủ để tất cả trẻ trong lớp có thể nghe.
- Viết/trình bày rõ ràng để tất cả trẻ trong lớp có thể nhìn/quan sát được.
- Tạo ra tình huống giao tiếp gần gũi với thực tế cuộc sống của trẻ và trẻ có cơ hội thực hành trong thực tế cuộc sống chứ không chỉ là học trên lớp.
- Thể hiện sự trông chờ câu trả lời hoặc sự đáp lại của trẻ (thông qua ánh mắt, nét mặt, cử chỉ và cả ngôn từ).
- Hỏi để khẳng định hiểu đúng ý/nội dung mà trẻ vừa muốn diễn đạt (ví dụ: Ý em là....., có đúng không?).
- Cố gắng hiểu ý/nội dung mà trẻ muốn diễn đạt và sửa cho tốt hơn.
- Sau khi nêu một câu hỏi, hãy dành thời gian đủ để trẻ suy nghĩ và tìm câu trả lời/đáp lại (cả nói và viết). Nên nhớ rằng trẻ suy nghĩ, tư duy bằng cả 2 ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai).
- Hướng dẫn trẻ cách hỏi lại/nêu ý kiến khi không hiểu bài hoặc gặp khó khăn (ví dụ: Nếu em chưa hiểu, hãy giơ tay và nói cho thầy/cô biết” hoặc “Nếu các em không nghe kịp, hãy nói cho thầy/cô biết” ...).
- Sử dụng các đồ dùng trực quan, ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, ngữ điệu...) cùng với ngôn từ để giúp trẻ dễ hiểu nội dung/thông điệp.
- Đa dạng các hoạt động học tập và trò chơi.
- Luôn làm cho không khí lớp học vui vẻ, thú vị.

- **Không nên làm:**

- Nói quá nhanh. Và nếu trẻ nói với bạn rằng em ấy không hiểu bạn nói gì, đừng nhắc lại điều đó với giọng to hơn.
- Áp đặt ý tưởng cho trẻ, sửa văn nói và viết khác hẳn ý mà trẻ muốn trình bày.
- Cười, tỏ vẻ giận dữ hoặc chê bai khi trẻ mắc lỗi khi nói/viết hoặc không hiểu câu hỏi hoặc không trả lời đúng câu hỏi của bạn.
- Quát mắng, phạt hoặc tỏ vẻ ngạc nhiên khi trẻ bối rối, không hiểu bài học/hướng dẫn.
- Đứng/ngồi ở bàn, trên bảng để giảng bài hoặc phụ thuộc vào sách hướng dẫn/kế hoạch bài học trong suốt bài học.
- Lò đi khi không hiểu một câu trả lời, câu nói, yêu cầu của trẻ. Hãy bảo trẻ/học sinh nói lại và hỏi cả lớp trợ giúp để làm sáng tỏ yêu cầu/ý tưởng của trẻ.
- Tập trung vào những trẻ/học sinh khá/giỏi trong lớp.
- Cấm đoán, khó chịu khi trẻ nói bằng ngôn ngữ mẹ đẻ.

## 2.4. Một số gợi ý về hoạt động cần thực hiện để hỗ trợ giai đoạn chuyển tiếp

- \* *Dành cho cả hai cấp:*

- Giáo viên mầm non và tiểu học phối hợp với nhau trong việc bàn giao, trao đổi thông tin về trẻ mầm non trước khi vào học lớp 1.
- Giáo viên và trẻ mầm non thăm trường/lớp tiểu học và giới thiệu cho trẻ về trường tiểu học.
- Tổ chức các hoạt động chung với nhau như đọc sách, chơi trò chơi, làm đồ chơi cho các em mẫu giáo...
- Giáo viên mầm non và tiểu học (lớp 1) dự giờ lẫn nhau, trao đổi và học hỏi về nội dung, phương pháp dạy học với tinh thần tôn trọng, hỗ trợ lẫn nhau.

- \* *Giáo viên mầm non:*

- Cung cấp các thông tin về trường tiểu học cho cha mẹ trẻ, hỗ trợ đăng ký nhập học và hướng dẫn cha mẹ trẻ hỗ trợ con tiếp cận/làm quen với trường tiểu học.
- Mời phụ huynh đến trường và tham gia họp định hướng; trao đổi với từng phụ huynh để biết về hoàn cảnh gia đình và đặc điểm của trẻ.

\* **Giáo viên tiểu học:**

- Tổ chức “ngày đón tiếp” vào đầu năm học với sự tham gia của phụ huynh có con học lớp 1 và trẻ mầm non trong cộng đồng. Tổ chức các buổi họp tại cộng đồng về chuyển tiếp (*Tham khảo tài liệu Cha mẹ hỗ trợ con trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học*).
- Đưa học sinh tiểu học đến thăm trường mầm non và trò chuyện với các em nhỏ về trường tiểu học (khuyến khích/tổ chức cho học sinh tiểu học tặng quà cho các em trường mầm non (sách, tranh, ảnh, đồ dùng học tập, đồ chơi,...).
- Tổ chức các hoạt động ban đầu ở lớp 1 giống như ở mầm non để trẻ thấy tự tin: chào đón, dỗ dành, kể chuyện, tổ chức trò chơi ...



## CÂU HỎI SUY NGẪM

1. *Nhớ lại lúc nhỏ, khi nào thì bạn (con bạn) hứng thú học và học có kết quả nhất? Bạn/con/trẻ của bạn đã được học trong một môi trường học tập như thế nào?*
2. *Với điều kiện thực tế lớp học hiện tại của mình, thầy/cô sẽ “cải tạo” như thế nào để lớp học đó trở thành môi trường học tập phong phú/đa dạng? (xếp theo mức độ ưu tiên)*
3. *Nhớ lại những giờ dạy của bạn, bạn đã dạy như thế nào (sử dụng những phương pháp kỹ thuật nào? Trẻ của bạn phản ứng ra sao? (biểu hiện như thế nào?) Các em có tích cực, phấn khởi khi tham gia không? Viết ra những cảm tưởng/suy nghĩ của mình về các phương pháp dạy đó.*
4. *Bạn có thể áp dụng những hoạt động nào trong khi dạy để trẻ có thể sử dụng được các giác quan của mình như thị giác, thính giác và vận động trong khi học?*
5. *Lựa chọn một nội dung dạy học trong sách giáo khoa mà bạn thấy rằng chưa phù hợp với thực tế cuộc sống của trẻ và điều chỉnh cho phù hợp. Hãy thử dạy! Quan sát xem trẻ có thích giờ học không. Hỏi trẻ/học sinh hoạt động nào các em thích nhất?*
6. *Hãy suy ngẫm về cách bạn tương tác với trẻ trong các giờ dạy và đối chiếu với những điều đã học được ở mô đun này.*



**PHỤ LỤC**





## PHỤ LỤC 1

### BẢNG KIỂM MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ Ở MẦM NON VÀ TIỂU HỌC

Bảng kiểm sau đây được xây dựng dựa trên cách tiếp cận theo 3 thành tố của môi trường học tập hiệu quả đã nêu trên. Bảng kiểm này có thể sử dụng ở cả mầm non và tiểu học. Bảng kiểm này giúp giáo viên xác định được những việc làm/hành động mà giáo viên cần thực hiện để thúc đẩy môi trường học tập hiệu quả cho trẻ. Đồng thời, bảng kiểm giúp giáo viên nhận diện được những gì bản thân hoặc đồng nghiệp đã làm được và làm được ở mức độ nào, từ đó có kế hoạch để thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong việc tạo lập môi trường học tập hiệu quả cho trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp.

*Hướng dẫn đánh giá: đánh dấu (+) vào cột “mức độ đạt được” theo thang sau:*

- *Mức độ đạt được cao nhất: +++*
- *Mức độ đạt được vừa phải: ++*
- *Mức độ cần được cải thiện: +*

1. Môi trường lớp học phong phú/đa dạng, an toàn và tin cậy	Mức độ đạt được
<b>1.1. Bố trí, trưng bày không gian lớp học</b>	
1.1.1. Lớp học thể hiện sở thích của trẻ: – Trưng bày lớp học cho thấy trẻ là một thành viên của một nhóm bạn (theo sở thích, sao đội, hàng xóm...) – Trưng bày lớp học cho thấy trẻ là thành viên của một gia đình (gia đình, dân tộc, các yếu tố văn hóa xã hội...ví dụ: có trưng bày tranh, ảnh trẻ mang từ nhà đến)	
1.1.2. Lớp học thể hiện hoạt động học tập của trẻ: trưng bày các sản phẩm học tập của trẻ (tranh vẽ, hình nặn/gấp/cắt/dán, trang viết...)	
1.1.3. Giáo viên tổ chức/bố trí các góc hoạt động khác nhau (dễ nhìn): Góc để sách, góc máy tính, góc toán, góc chủ đề, góc nghe, góc xây dựng và có các loại tài liệu như sách truyện, tai nghe, máy ghi âm...	
1.1.4. Giáo viên thiết kế, bố trí lớp học trông hấp dẫn: lớp học sạch sẽ; có đủ ánh sáng; trang trí bằng cây xanh/vật có màu sắc; bố trí khoa học, ngăn nắp.	

1.1.5. Giáo viên sắp xếp ghế và bàn cho trẻ có thể ngồi nhìn nhau để trẻ có tiếp xúc bằng mắt và có thể nhìn thấy phản ứng của nhau.	
<b>1.2. Quản lí lớp học</b>	
1.1.1. Giáo viên đưa ra các hướng dẫn rõ ràng (về thời gian, không gian, trình tự và thực hiện nhiệm vụ) và trẻ biết phải làm gì.	
1.2.2. Giáo viên không suy xét/quy kết hoạt động (tư duy) của trẻ chỉ thông qua hành vi của trẻ (Ví dụ: không đánh đồng sự bồn chồn của trẻ với sự không tập trung, hay trẻ cứ ngồi im là đang tập trung)	
1.2.3. Giáo viên sử dụng thời gian một cách tối ưu trong việc: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đưa ra các hướng dẫn hợp lí;</li> <li>– Bao quát hoạt động góc của trẻ và đảm bảo chúng đang hoạt động;</li> <li>– Thỏa thuận với trẻ về việc sử dụng thời gian trống và cung cấp bài tập bổ trợ (nếu cần);</li> <li>– Bố trí thời gian phù hợp cho việc dọn dẹp, chuẩn bị cặp sách, mặc áo, ăn nhẹ, ... và/hoặc tận dụng thời gian này để tương tác với trẻ.</li> </ul>	
1.2.4. Giáo viên khuyến khích trẻ tự lập và quản lý tốt việc tổ chức các hoạt động thực tế (Trẻ biết phải làm gì, khi nào và ở đâu, biết cần gì và biết tìm những tài liệu cần thiết ở đâu) bằng cách: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cung cấp cho mỗi trẻ một không gian riêng (tủ, ngăn kéo) để các bài tập đã hoàn thành, tranh vẽ, đồ dùng mang từ nhà đến, món đồ chơi riêng của trẻ;</li> <li>– Treo hình ảnh tượng trưng (từ ngữ, hình vẽ) để trẻ nhận ra các góc hoạt động.</li> <li>– Khuyến khích trẻ tự sử dụng tủ các đồ dùng, thiết bị trong lớp (có hình ảnh, từ/chữ tượng hình hoặc hướng dẫn sử dụng được để trong tầm mắt, tầm với của trẻ).</li> <li>– Cung cấp bảng nhiệm vụ (công việc trực nhật lớp: tưới cây, lau bảng, thu bài tập, ...) hoặc giao việc cho trẻ.</li> </ul>	
<b>1.3. Tạo cảm giác thoải mái/tin cậy/an toàn</b>	
1.3.1. Giáo viên khiến trẻ cảm thấy mình có năng lực bằng cách: Giáo viên có phản hồi tích cực, quan tâm/chú ý đến những gì trẻ nói, khuyến khích trẻ thực hiện nhiệm vụ để trẻ có các trải nghiệm thành công; cho phép trẻ mắc lỗi/sai lầm (xem việc mắc lỗi, sai lầm của trẻ là tự nhiên),...	

1.3.2. Giáo viên không chê bai bất kỳ trẻ nào (ví dụ như vì nhận thức chậm, ngoại hình kém, mắc lỗi ...).	
1.3.3. Giáo viên chia sẻ, thể hiện sự đồng cảm với những khó khăn, lo lắng của trẻ.	
1.3.4. Giáo viên tạo cảm giác an toàn cho trẻ thông qua ngôn ngữ hình thể (điều bộ, cử chỉ, hành động...) như: Giáo viên làm cho mình nhỏ bé lại, bế trẻ, vỗ vai, vuốt tóc, nháy mắt với trẻ, cười tươi ...	
1.3.5. Giáo viên cho phép trẻ được nêu ý kiến/đề xuất về những gì trẻ có thể làm ở các mức độ khác nhau trong các hoạt động của lớp (ví dụ: nội dung học tập, thành lập nhóm, tổ chức lớp,...). Sau đó, giáo viên lựa chọn dựa trên nguyện vọng và nhu cầu của trẻ.	
1.3.6. Giáo viên dạy trẻ đối xử với nhau theo cách tôn trọng và tích cực (lắng nghe nhau, chia sẻ đồ chơi/đồ dùng/tài liệu, tự kiểm soát bản thân trong trường hợp có xung đột, tạo điều kiện cho bạn tham gia,...).	
<b>1.4. Môi trường ngôn ngữ</b>	
1.4.1. Giáo viên có phản ứng tích cực với ngôn ngữ mẹ đẻ/ngôn ngữ sử dụng ở nhà của trẻ.	
1.4.2. Giáo viên không bắt buộc trẻ phải phát biểu ý kiến(chỉ khuyến khích/động viên trẻ phát biểu ý kiến).	
1.4.3. Giáo viên tập trung vào nội dung/ý mà trẻ muốn nói, không quá chú trọng vào tính chính xác của ngôn ngữ (cách phát âm chuẩn, câu đầy đủ thành phần, trật tự từ trong câu ...)	
<b>2. Nhiệm vụ thực tế và có ý nghĩa đối với trẻ</b>	
<b>2.1. Mục tiêu và nhiệm vụ</b>	
2.1.1. Giáo viên chủ yếu đặt mục tiêu hướng tới sự phát triển năng lực và hiểu biết của trẻ (bên cạnh mục tiêu về kiến thức).	
2.1.2. Giáo viên xây dựng mục tiêu cụ thể và có thể đạt được (gắn với các hoạt động/chủ đề đã thực hiện).	
<b>2.2. Động lực và cam kết học tập</b>	
2.2.1. Giáo viên tạo cơ hội cho trẻ thử nghiệm và học hỏi kinh nghiệm từ các tình huống/bối cảnh thực tế.	

<p>2.2.2. Giáo viên tạo nhiệm vụ học tập mang tính thử thách đối với trẻ bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sử dụng tình huống/bối cảnh thú vị, mang tính khuyến khích, thúc đẩy trẻ;</li> <li>– Gắn với nhiệm vụ nhận thức mang tính thử thách.</li> </ul>	
<p>2.2.3. Giáo viên kết hợp các yếu tố của sự đa dạng vào nội dung bài học bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Yêu cầu trẻ mang đồ vật từ nhà đến để cùng nhau học (ảnh gia đình, cây, quả, dụng cụ...);</li> <li>– Dựa trên kinh nghiệm và ý tưởng của trẻ;</li> <li>– Cùng trẻ mở rộng các ý tưởng của trẻ.</li> </ul>	
<p>2.2.4. Giáo viên tạo động lực cho trẻ bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trước khi bắt đầu nhiệm vụ: tạo ra bầu không khí thoải mái, thách thức một cách tin cậy;</li> <li>– Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: nhiệt tình hỗ trợ, khuyến khích trẻ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, dùng các hoạt động/bài tập nhằm chán, giới thiệu những cái mới thú vị...);</li> <li>– Sau khi hoàn thành nhiệm vụ: công nhận kết quả và nỗ lực của trẻ, khẳng định năng lực của trẻ.</li> </ul>	
<p><b>2.3. Sử dụng ngôn ngữ</b></p>	
<p>2.3.1. Giáo viên sử dụng ngôn ngữ tự nhiên, phù hợp với nhiệm vụ hoặc đối tượng; có liên quan đến kinh nghiệm, hoạt động và sản phẩm của trẻ, không sử dụng ngôn ngữ lạ, từ ngữ không có nghĩa.</p>	
<p>2.3.2. Giáo viên sử dụng nguyên tắc “ngôn ngữ trong suốt cả ngày”: chú ý đến ngôn ngữ sử dụng hàng ngày (không chỉ trong tiết học tiếng Việt).</p>	
<p>2.3.3. Giáo viên sử dụng ngôn ngữ đa dạng và phong phú: không quá đơn giản (hoặc “ngôn ngữ dùng với trẻ sơ sinh”), sử dụng ngôn ngữ từ các nguồn khác nhau (truyện tranh, kịch, sách cung cấp thông tin, công nghệ thông tin,...).</p>	
<p>2.3.4. Giáo viên sử dụng ngôn ngữ tương tác: hỏi những câu hỏi mở, câu hỏi dựa trên kinh nghiệm và ý kiến cá nhân của trẻ; hỏi các câu hỏi mở rộng; làm rõ các phản ứng của trẻ,...</p>	

2.3.5. Giáo viên tạo điều kiện để trẻ sử dụng ngôn ngữ có chức năng và có ý nghĩa như một phương tiện để xây dựng ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm và hiểu biết, để giải thích, đặt câu hỏi, ...	
<b>2.4. Hình thức tổ chức</b>	
2.4.1. Giáo viên tổ chức các hình thức tương tác trong đó trẻ học cách hợp tác (đảm nhiệm các vai trò/nhiệm vụ cần có thông tin từ bạn khác, chơi một trò chơi với nhau, cùng nhau thực hiện một nhiệm vụ,...).	
2.4.2. Giáo viên thành lập các nhóm bao gồm các thành viên có sự khác biệt (ví dụ: trẻ nói các ngôn ngữ khác nhau/các nhóm dân tộc khác nhau, trẻ có kỹ năng/năng khiếu nổi trội khác nhau, khác về giới tính, trẻ có điều kiện sống khác nhau,...).	
2.4.3. Giáo viên xây dựng các nhiệm vụ mở (không chỉ có một câu trả lời và một cách duy nhất để thực hiện nhiệm vụ).	
2.4.4. Giáo viên khuyến khích sử dụng nhiều kỹ năng khác nhau để thực hiện nhiệm vụ (ngôn ngữ, tình cảm xã hội, tổ chức, giải quyết vấn đề, âm nhạc, toán học, chân tay, ...).	
<b>3. Hỗ trợ thông qua tương tác</b>	
<b>3.1. Can thiệp</b>	
3.1.1. Giáo viên chủ động quan sát, phát hiện khó khăn của trẻ liên quan đến hoạt động của trẻ và hỗ trợ trẻ.	
3.1.2. Giáo viên cho trẻ em cơ hội để tự suy nghĩ, tìm kiếm giải pháp giải quyết khó khăn gặp phải. Giáo viên hỗ trợ quá trình tư duy của trẻ bằng cách đưa ra gợi ý, đặt câu hỏi cho trẻ.	
3.1.3. Giáo viên phản hồi về quá trình học tập của trẻ và các mục tiêu của nhiệm vụ (không chỉ phản hồi cho sản phẩm cuối cùng mà trẻ làm được).	
<b>3.2. Phát triển và điều chỉnh ngôn ngữ của trẻ</b>	
3.2.1. Giáo viên kiểm tra xem liệu trẻ đã hiểu yêu cầu/câu hỏi/nhiệm vụ mà giáo viên đặt ra hay chưa và có điều chỉnh/giải thích khi cần thiết.	
3.2.2. Giáo viên hỗ trợ trẻ hiểu bài/kiến thức bằng cách: sử dụng đồ dùng trực quan (hình ảnh, tranh vẽ, hiện vật...); liên hệ với những kiến thức/tình huống trẻ đã biết; sử dụng phương tiện hỗ trợ khác như một con búp bê, hình nộm...	

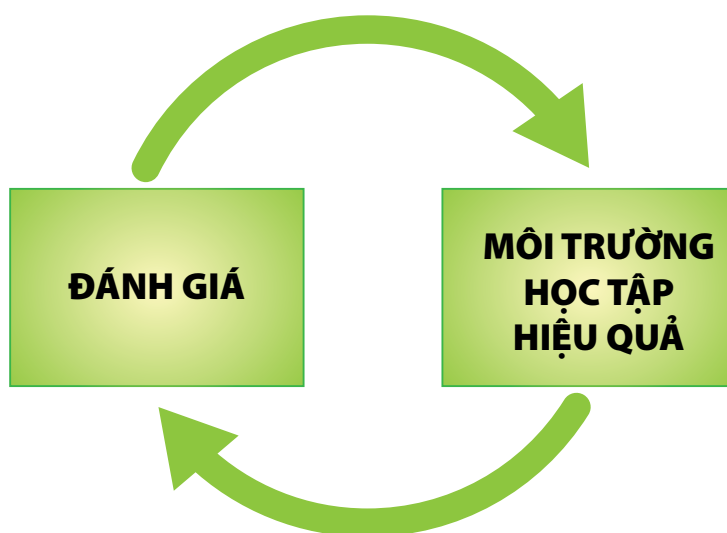
3.2.3. Giáo viên hỗ trợ trẻ diễn đạt suy nghĩ/ý kiến bằng cách cố gắng làm rõ thông điệp mà trẻ diễn đạt chưa đầy đủ (thông qua biện pháp: làm rõ nghĩa từ trẻ nói, diễn đạt lại lời trẻ nói, diễn đạt thành lời những thông điệp không lời như điệu bộ, cử chỉ của trẻ...).	
3.2.4. Giáo viên khéo léo sửa lỗi ngữ pháp cho trẻ bằng cách: chỉnh lại lời nói không đầy đủ hoặc sai của trẻ, tập trung vào nội dung chính của thông điệp,...	
<b>3.3. Phân hóa</b>	
3.3.1. Giáo viên tạo cơ hội cho trẻ “kém” (ví dụ: hạn chế về ngôn ngữ, nhận thức, giao tiếp, ...) được chơi, học hỏi từ các trẻ “giỏi” hơn.	
3.3.2. Giáo viên dành sự hỗ trợ đặc biệt cho các trẻ “kém” hơn bằng cách: sử dụng hình ảnh bổ sung hoặc các đồ dùng trực quan, đặt câu hỏi hoặc nhiệm vụ đơn giản hơn, đưa thêm gợi ý, giải thích hoặc phản hồi thêm cho trẻ.	
3.3.3. Giáo viên cố gắng kiểm soát tính khí “tăng động” của những trẻ luôn muốn chi phối/dẫn đầu nhóm.	
3.3.4. Giáo viên ứng phó với sự khác biệt về tốc độ học giữa các trẻ bằng cách giao thêm nhiệm vụ cho những trẻ học nhanh hơn.	

## PHỤ LỤC 2

### ĐÁNH GIÁ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC

#### 1. HIỂU VỀ ĐÁNH GIÁ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP

- Đánh giá là quá trình liên tục thu thập thông tin về kiến thức, kỹ năng và thái độ của trẻ đạt được hay chưa đạt được để kịp thời hỗ trợ trong hoạt động học tập, thích ứng với môi trường mới ở tiểu học.
- Đánh giá trong giai đoạn chuyển tiếp là đánh giá toàn diện đứa trẻ: khả năng tiếp thu kiến thức; kỹ năng ngôn ngữ; khả năng thích ứng với môi trường mới: tự lập, tự tin và các sáng kiến của trẻ...
- Việc đánh giá trong giai đoạn chuyển tiếp liên quan chặt chẽ đến môi trường học tập hiệu quả



- ✓ *Lưu ý: Cách hiểu này về đánh giá chủ yếu là để hỗ trợ giáo viên trong việc theo dõi sự tiến bộ của trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp*

## 2. TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐÁNH GIÁ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP

Lợi ích đối với trẻ	Lợi ích đối với giáo viên
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trẻ có cơ hội cho trẻ được tham gia vào quá trình đánh giá.</li> <li>– Tạo cho trẻ sự mạnh dạn, tự tin, độc lập; chia sẻ hơn trong quá trình học tập và phát triển, trẻ không bị phân biệt đối xử (giữa trẻ học giỏi với trẻ học kém; trẻ nam với nữ, trẻ khuyết tật...).</li> <li>– Phát huy tính tích cực cho trẻ trong quá trình học (trẻ có thể hỏi lại cô giáo khi chưa hiểu, hoặc hướng dẫn lại cho các bạn chưa hiểu...).</li> <li>– Trẻ được gia đình quan tâm hơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu rõ trẻ hơn và có biện pháp hỗ trợ phù hợp với từng trẻ (về kiến thức, kĩ năng, thái độ của trẻ).</li> <li>– Sử dụng đa dạng các phương pháp và hình thức.</li> <li>– Thực hiện thường xuyên như công việc hàng ngày mà không phải đánh giá kết quả vào một thời điểm nhất định.</li> <li>– Tập trung vào chiều rộng và chiều sâu của việc học tập và phát triển của trẻ.</li> <li>– Sự phối hợp của gia đình với nhà trường chặt chẽ hơn.</li> </ul>

## 3. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP

Giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học là một quá trình lâu dài, vì không phải tất cả mọi trẻ sẵn sàng cùng một lúc, theo cùng một cách, bởi sự sẵn sàng đến trường không chỉ là vấn đề của trẻ, mà còn phụ thuộc rất lớn vào sự sẵn sàng của nhà trường và gia đình. Một đứa trẻ có thể sẵn sàng ở một khía cạnh này, nhưng lại không sẵn sàng ở khía cạnh khác, vì vậy đánh giá trong giai đoạn chuyển tiếp cũng là một quá trình và vẫn tiếp tục ở trường tiểu học với mục đích:

- Phát hiện được những khó khăn/thiếu hụt của từng trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp (đặc biệt là những trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số thiếu hụt về ngôn ngữ...) để kịp thời hỗ trợ để thu hẹp khoảng cách giữa cái trẻ hiện có với mục đích đặt ra trong quá trình học tập và phát triển của trẻ
- Khích lệ động viên trẻ như hình thức phản hồi với trẻ để trẻ thấy tự tin là mình đã làm được và được giáo viên ghi nhận.
- Việc đánh giá tập trung vào mức độ sẵn sàng của trẻ mà không phải xếp loại giáo viên và trẻ trong quá trình dạy và học.



#### 4. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC/PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Nội dung đánh giá trẻ	Hình thức/phương pháp
Sự tự tin và độc lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát/lắng nghe thông qua hoạt động, công việc được giao - (định tính)</li> <li>- Trò chuyện với trẻ - (định tính)</li> </ul>
Khả năng ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chuyện với trẻ/đối thoại - (định tính)</li> <li>- Giao tiếp với bạn bè, giáo viên - (định tính)</li> </ul>
Khả năng nhận thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài học hàng ngày (định tính)</li> <li>- Các bài kiểm tra ở trường (định lượng)</li> </ul>
Kỹ năng vận động thô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài tập thể dục/phát triển thể chất (định lượng)</li> <li>- Quan sát các hoạt động của trẻ (định tính)</li> </ul>
Kỹ năng vận động tinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát thông qua hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, xé dán, tập viết...) - (định tính)</li> <li>- Thông qua sản phẩm của trẻ - (định lượng)</li> </ul>
Sự tham gia và cảm giác thoải mái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát các hoạt động hàng ngày của trẻ</li> </ul>

#### 5. GIỚI THIỆU MỘT SỐ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRẺ

Sau đây là một số công cụ giáo viên có thể tham khảo trong quá trình quan sát, đánh giá trẻ để hỗ trợ trẻ tốt hơn trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học.

##### 5.1. Đánh giá sự tự tin và độc lập của trẻ

Việc đánh giá sự tự tin, độc lập của trẻ là một quá trình khó khăn và phức tạp, cần phải có sự kiên trì của giáo viên.

*Ví dụ: khi nhìn thấy một trẻ làm việc nào đó, chúng ta có thể nói: “Em/trẻ ấy thật tự tin” vậy những dấu hiệu nào cho thấy trẻ tự tin?*

Sự tự tin được thể hiện qua cảm giác thoải mái, vui vẻ. Trẻ sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao và quyết tâm làm việc đến cùng. Sự tự tin luôn đi đôi với tính độc lập.

Làm thế nào để hình thành cho trẻ sự tự tin và độc lập (tham khảo tài liệu Cha mẹ hỗ trợ con trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học); Công cụ dưới đây đưa ra một số dấu hiệu nhận diện sự thoái mái của trẻ ở các mức độ khác nhau để giáo viên có thể nhận biết và đánh giá sự tự tin và độc lập của trẻ.

### Công cụ 1: Đánh giá cảm giác thoái mái của trẻ

(Trường Đại học Leuven, Vương quốc Bỉ)

Mức độ	Dấu hiệu cảm giác thoái mái của trẻ
1 Rất thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Khó chịu như kêu khóc hay la hét. Có biểu hiện thất vọng, buồn rầu, lo lắng hay tức giận.</li> <li>– Không có phản ứng với môi trường xung quanh, thu mình lại và không chịu tiếp xúc với người khác.</li> </ul>
2 Thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biểu hiện khuôn mặt, tư thế, hành vi của trẻ cho thấy trẻ khó chịu (dấu hiệu ít rõ ràng hơn mức độ 1).</li> <li>– Biểu hiện cảm giác khó chịu nhưng không thường xuyên.</li> </ul>
3 Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biểu cảm của khuôn mặt và tư thế cho thấy rất ít hoặc không có cảm xúc.</li> <li>– Không có dấu hiệu của buồn rầu hay thích thú, thoái mái hay không thoái mái (thờ ơ).</li> </ul>
4 Cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trẻ cho thấy dấu hiệu của niềm vui và sự thích thú (như nêu ở mức 5).</li> <li>– Tần suất ít hơn so với mức độ 5.</li> </ul>
5 Rất cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trẻ rất vui vẻ, luôn tươi cười, đôi khi hét lên vui sướng.</li> <li>– Thể hiện nét mặt sinh động và tràn đầy năng lượng.</li> <li>– Trẻ có thể tự thoai, nhún nhảy, ậm ừ và hát theo nhạc</li> <li>– Trẻ có vẻ rất thư giãn và không có một dấu hiệu nào của sự căng thẳng.</li> <li>– Trẻ rất cởi mở và tự tin.</li> <li>– Tự nghĩ ra cách làm mới trong các hoạt động và gây được ấn tượng.</li> </ul>

## 5.2. Đánh giá mức độ tham gia của trẻ

Giáo viên cần đánh giá sự tham gia của trẻ trong quá trình hoạt động/học tập để xác định một đứa trẻ có đang học hay không và có khó khăn gì không để đưa ra can thiệp/hỗ trợ thông qua tương tác phù hợp. Ví dụ khi quan sát một đứa trẻ, trẻ có thể bận rộn, liên tục có hành động, di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác với các đồ dùng học tập nhưng chưa chắc trẻ đang học.

### Công cụ 2: Đánh giá mức độ tham gia của trẻ

(Trường Đại học Leuven, Vương quốc Bỉ)

Mức độ	Dấu hiệu các mức độ tham gia của trẻ
1 Rất thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hoạt động đơn giản, bị động, lặp đi lặp lại.</li> <li>– Trẻ không tập trung, thờ ơ đối với các hoạt động.</li> <li>– Trẻ nhìn chăm chăm vào khoảng không hoặc nhìn xung quanh xem người khác đang làm gì.</li> </ul>
2 Thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hoạt động thường xuyên bị gián đoạn.</li> <li>– Trẻ chỉ tham gia vào hoạt động khi có người khác nhìn mình.</li> <li>– Nhiều lúc trẻ không làm gì, chỉ nhìn chăm chăm vào khoảng không hoặc bị xao nhãng bởi những hoạt động diễn ra xung quanh.</li> </ul>
3 Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trẻ bận rộn với hoạt động nhưng ở mức thấp và có ít biểu hiện của việc thực sự tham gia.</li> <li>– Có tiến bộ trong các hoạt động trẻ đang thực hiện, nhưng không tập trung và thường bị xao nhãng.</li> </ul>
4 Cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trẻ tập trung cao và tham gia liên tục đến cùng các hoạt động.</li> <li>– Chúng không dễ bị xao nhãng.</li> </ul>
5 Rất cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trẻ thể hiện sự tham gia liên tục và thực hiện đến cùng các hoạt động.</li> <li>– Tập trung cao độ, đầy năng lượng và bền bỉ trong suốt quá trình.</li> <li>– Sáng tạo trong các hoạt động.</li> </ul>

### Tổng hợp kết quả quan sát lớp học

Lớp:

Người thực hiện:

Mã số	Họ và tên	Sự thoải mái						Sự tham gia						Nhận xét
		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
1		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
2		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
3		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
4		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
5		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
6		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
7		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
8		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
9		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
10		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
11		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
12		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
13		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
14		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
15		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
16		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
17		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
18		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
19		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
20		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
21		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
22		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
23		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
24		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	
25		1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?	

## 1.3 Hồ sơ theo dõi trẻ

## HỒ SƠ THEO DÕI TRẺ

A. Thông tin cá nhân của trẻ				
Lớp:	Họ và tên:	Ngày sinh:	Ngày lập phiếu:	Người thực hiện:

Thông tin chung (tiền sử, những điểm đặc biệt của trẻ, tình trạng sức khỏe, hoàn cảnh gia đình)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Mức độ thoải mái						Mức độ tham gia						Ngày:	
1	2	3	4	5	?	1	2	3	4	5	?		

Tại sao phải lập hồ sơ theo dõi?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

<b>Mục tiêu và các biện pháp can thiệp chính</b>
<b>Mục tiêu 1</b>
Biện pháp can thiệp ..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....
<b>Mục tiêu 2</b>
Biện pháp can thiệp ..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....
<b>Mục tiêu 3</b>
Biện pháp can thiệp ..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....

<b>B. Sự thoải mái trong mối quan hệ với những người xung quanh</b>						
<b>MỐI QUAN HỆ VỚI NGƯỜI LỚN</b>	<b>Mức độ thoải mái</b>					
Chất lượng mối liên hệ giữa trẻ và những người lớn có liên hệ với trẻ	1	2	3	4	5	?
Nhận xét .....						
.....						
.....						
<b>MỐI QUAN HỆ VỚI BẠN KHÁC VÀ LỚP</b>	<b>Mức độ thoải mái</b>					
Chất lượng mối liên hệ giữa trẻ và các bạn	1	2	3	4	5	?
Nhận xét .....						
.....						
.....						
<b>MỐI QUAN HỆ VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH</b>	<b>Mức độ thoải mái</b>					
Chất lượng mối liên hệ giữa trẻ với môi trường/lich trình hằng ngày/cơ sở vật chất	1	2	3	4	5	?
Nhận xét .....						
.....						
.....						
<b>MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH</b>	<b>Mức độ thoải mái</b>					
Chất lượng mối liên hệ giữa trẻ và các thành viên trong gia đình	1	2	3	4	5	?
Nhận xét .....						
.....						
.....						

**C. Sự tham gia trong các hoạt động**

TẦN SUẤT VÀ SỰ THAM GIA	Tần suất			Mức độ			Nhận xét
	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Thấp	Trung bình	Cao	
Các hoạt động thể chất							
Nước, cát, ngô							
Vật liệu xây dựng to							
Vật liệu xây dựng nhỏ							
Làm mẫu							
Vẽ/tô màu							
Mô hình							
Thủ công							
Đồ gỗ							
Bàn khám phá							
Vật liệu thế giới mini							
Sắm vai							
Nghe nhạc/bài hát							
Nghe kể chuyện							
Đọc sách"							
Hoạt động ngôn ngữ							
Hội thoại theo chủ đề							
Khái niệm về thời gian/ không gian/con số							
Trò chơi và các chương trình trên máy tính							
Hoạt động thường ngày							
...							
...							

THAM GIA VÀO CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC	Thấp	Trung bình	Cao	Nhận xét
Hoạt động cả lớp				
Hoạt động trong nhóm nhỏ (Nhiệm vụ cá nhân)				
Hoạt động nhóm (1 nhiệm vụ, trò chơi)				
Trò chơi ở sảnh hoặc ngoài trời				
Mức độ tự do/Bắt buộc Chơi tự do				
Mức độ hướng dẫn/Các nhiệm vụ có hướng dẫn Các nhiệm vụ không có hướng dẫn				



### 1.4 Công cụ đánh giá sự sẵn sàng của trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp

THỂ CHẤT	Dinh dưỡng – sức khỏe <i>Nhận xét</i>	Mức độ	1	2	3	4	5
	Phát triển vận động thô <i>Nhận xét</i>	Mức độ	1	2	3	4	5
	Phát triển vận động tinh <i>Nhận xét</i>	Mức độ	1	2	3	4	5
NGÔN NGỮ	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết <i>Nhận xét</i>	Mức độ	1	2	3	4	5
NHẬN THỨC	Hiểu biết về thế giới xung quanh <i>Nhận xét</i>	Mức độ	1	2	3	4	5
	Tư duy logic và toán học <i>Nhận xét</i>						
TÌNH CẢM XÃ HỘI	Khả năng giao tiếp <i>Nhận xét</i>	Mức độ	1	2	3	4	5
	Biểu lộ cảm xúc rõ ràng <i>Nhận xét</i>						
	Tự chủ và có sáng kiến <i>Nhận xét</i>						
THẨM MỸ	Thể hiện về nghệ thuật <i>Nhận xét</i>	Mức độ	1	2	3	4	5









## 1.5. Công cụ trao đổi thông tin giữa nhà trường và gia đình

Thông tin về trẻ giữa nhà trường và gia đình				
Lớp:	Họ và tên:	Ngày sinh:	Ngày lập phiếu:	Người thực hiện:
<b>ĐIỂM MẠNH</b>		<b>ĐIỂM YẾU</b>		
Đặc điểm của trẻ và môi trường có lợi cho trẻ, mang lại cơ hội và lí do để lạc quan		Đặc điểm của trẻ và môi trường mang đến sự lo ngại, cản trở sự thoải mái và sự tham gia, là điểm yếu		
<b>BẢN THÂN TRẺ</b>				
Sự thoải mái Sự tham gia Sức khỏe thể chất Sức khỏe tinh thần Sở thích Năng lực				
<b>HOÀN CẢNH/MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH</b>				
Môi trường Các mối quan hệ Giáo dục				
<b>MÔI TRƯỜNG GIA ĐÌNH</b>				
Điều kiện Các mối quan hệ Việc nuôi dạy của cha mẹ				
<b>MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG CỦA VẤN ĐỀ</b>				
Vấn đề gây lo lắng như thế nào? Có cần sự hỗ trợ từ bên ngoài không?				
<b>CÁC BIỆN PHÁP CAN THIỆP</b>				
1				
2				
3				
4				

## 1.6. Một số công cụ hỗ trợ trẻ tự đánh giá

Để hình thành kỹ năng tự đánh giá cho trẻ, trong quá trình dạy - học, giáo viên cần đưa ra nhiều hình thức hướng dẫn trẻ cách tự đánh giá qua đó hình thành sự tự tin và tính độc lập cho trẻ. Dưới đây là một vài gợi ý:

- Thông qua một số hành động cơ thể:
  - + Giơ ngón tay cái là thể hiện trẻ đã thực hiện tốt và hiểu bài;
  - + Giơ ngón tay trỏ là chưa chắc chắn và chưa tự tin là mình đã hiểu;
  - + Giơ ngón tay út: chưa hiểu cần sự hỗ trợ của giáo viên.
- Sử dụng các biểu tượng:

		YES	NO
	Did you like the lesson?		
	Was it difficult?		
	Would you like to do it again?		

## 2. GỢI Ý LẬP KẾ HOẠCH QUAN SÁT ĐÁNH GIÁ

Việc lập kế hoạch để đánh giá được từng trẻ trong suốt quá trình chuyển tiếp là rất cần thiết, vì với lớp học đông, nếu không có kế hoạch cụ thể giáo viên sẽ không thể đánh giá từng trẻ được.

Sau đây là ví dụ gợi ý lập kế hoạch quan sát trẻ. Trong khoảng thời gian đó sẽ phân bố thời gian đủ để quan sát từng trẻ.

Thứ/Ngày	8:30 – 10:30	14:30 – 15:30
Thứ hai, 10/11	Lan, Huệ, Dũng, Đức, Hà (khoảng 5 – 6 em)	Tâm, Oanh, Khuê (3 em)
Thứ ba, 11/11	Không	3 em
Thứ tư, 12/11	5-6 em	3 em
Thứ năm, 13/11	5 -6 em	3 em
Thứ sáu, 14/11	1-5 em	4-5 em

Ngoài ra, việc đánh giá mức độ sẵn sàng của trẻ cần dựa trên nhiều nguồn khác nhau:

- Thông qua hình ảnh video clip, ảnh đã ghi lại quá trình hoạt động của trẻ;
- Đánh giá môi trường học tập hiệu quả trong gia đoạn chuyên tiếp;
- Đánh giá thông qua hồ sơ cá nhân của từng trẻ và của lớp - chia sẻ thông tin đánh giá của trẻ từ mẫu giáo lên tiểu học;
- Căn cứ vào các tiêu chí/chỉ số về mức độ sẵn sàng;
- Kết quả bài kiểm tra – không chỉ một bài kiểm tra hay một thời điểm kiểm tra mà phải liên tục;
- Ý kiến trao đổi của cha mẹ về quá trình phát triển và học tập ở nhà;
- Trên cơ sở hồ sơ cá nhân giáo viên phụ trách lớp tổng hợp lại chung cả lớp.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Đánh giá Phát triển trẻ thơ tại Việt Nam (EDI)*.
3. Carrie Lynn, 2008, *Giúp trẻ hòa nhập với xã hội giai đoạn từ 4 - 6 tuổi* (bản dịch tiếng Việt) [*Springboard to Sosial skill how parents can help their children from 4-6 years*] NXB Lao động, Hà Nội, 2008.
4. Trần Thị Ngọc Chúc (2008), *Cần chuẩn bị gì cho trẻ vào lớp 1*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Ánh Tuyết, Trương Thị Kim Oanh (1998), *Chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông*, NXB Giáo dục.
6. Thùy Lâm, “*Học thêm từ 4... tuổi*”, *Báo Tuổi trẻ online* 9/7/2015.
7. Mỹ Dung ghi, “*Cần liên thông giữa mầm non và tiểu học*” - *Báo Tuổi trẻ online* 10/7/2015.
8. Plan – Tài liệu hướng dẫn: *Hỗ trợ hiệu quả để chuyển tiếp mầm non lên tiểu học - 2014*.
9. Vụ Giáo dục mầm non, *Bảo đảm sự chuyển tiếp khoa học giữa giáo dục mầm non với chương trình lớp 1*, nguồn Internet .

## Tiếng Anh

10. Dockett, S. and Perry, B. (2001). Starting school: effective transitions [*Bắt đầu đi học: Giai đoạn chuyển tiếp hiệu quả*]. Early Childhood Research & Practice [*Tạp chí Nghiên cứu và thực hành giáo dục trẻ thơ*], cuốn 3, số 2, 2001.
11. Ferre Laevers, Julia Moons, Bart Declercq, 2012. A process-oriented monitoring system for the early years [*Hệ thống quan sát trẻ dựa trên quá trình*]. CEGO Publishers.
12. Myers, R. (1997) Removing Roadblocks to Success: Transitions and Linkages between Home, Preschool and Primary School [*Vượt qua trở ngại đến thành công: Giai đoạn chuyển tiếp và sự kết nối giữa nhà trường, trường mầm non và trường tiểu học*]. Tạp chí nhóm điều phối, số 21. The Consultative Group on Early Childhood Care and Development [*Nhóm tư vấn về Chăm sóc và phát triển trẻ thơ*].
13. Verhest Machteld, 2006. A box full of feelings. Promoting infants' second language acquisition all day long [*Chiếc hộp cảm xúc. Thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ thứ hai của trẻ trong suốt ngày*] trong cuốn Task-based Language Education: From Theory to Practice [*Giáo dục ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ: Từ lý thuyết đến thực hành*] Kris Van den Branden (chủ biên). Cambridge University Press.

## NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội  
Điện thoại: Biên tập - Chế bản: 04. 3971 4896  
Quản lý xuất bản: 04. 3972 8806; Tổng biên tập: 04. 39715011  
Fax: 04. 3972 9436

# GIÁO VIÊN HỖ TRỢ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC (Tài liệu tham khảo)

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**  
Giám đốc - Tổng biên tập: TS. Phạm Thị Trâm

**Biên tập xuất bản:**  
Phan Thị Nga

**Biên tập chuyên ngành:**  
Phan Thị Nga

**Trình bày bìa và kỹ thuật vi tính**  
VNTP, JSC

Đối tác liên kết: Công ty Cổ phần Quảng Cáo và Du lịch Việt Nam  
Địa chỉ: Số 4 Tổ 60 Ngõ 155 – Trường Chinh – P. Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội  
Điện thoại: 04. 355 62381/82 \* Fax : 04. 355 62383

### TÀI LIỆU KHÔNG BÁN

**Bản quyền:** Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục  
**Quy định sao chép:** Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc các mục đích phi thương mại khác. Tuy nhiên cần ghi rõ nguồn tài liệu sao chép hoặc trích dẫn.

**Mã số: 2L - 760PT2016**

In 4.000 cuốn, Khổ 29.5 x 20.5 cm tại Công ty CP Quảng cáo và Du lịch Việt Nam  
Số xuất bản: 1767 - 2016/CXB, IPH/13-170- ĐHQGHN, ngày 6/6/2016  
QĐXB số: 803 LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN, ngày 12/7/2016  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2016  
ISBN: 978 - 604 - 62 - 5724 - 0





---

Tài liệu được hoàn thành với sự hỗ trợ của VVOB Việt Nam  
Bản quyền: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục  
Quy định sao chép: Có thể sao chép, trích dẫn cuốn sách này nhằm phục vụ hoạt động giáo dục hoặc các mục đích phi thương mại khác. Tuy nhiên cần ghi rõ nguồn tài liệu sao chép hoặc trích dẫn.

TÀI LIỆU KHÔNG BÁN